



25

ĐỒNG HÀNH ĐỒNG CHIA SẺ

BAO LONG
INSURANCE



An aerial photograph of a city at sunrise. The sun is low on the horizon, creating a bright, golden glow that filters through the clouds and illuminates the city below. Several birds are seen in flight against the bright sky. The city features a mix of low-rise and high-rise buildings, with some construction cranes visible on the right side. The foreground is slightly blurred, emphasizing the city and the sky.

BỪNG SÁNG
TƯƠNG LAI

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

- 06 Những con số tiêu biểu năm 2019
- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

1

GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

- 12 Thông tin Công ty
- 16 Mạng lưới hoạt động
- 17 Cổ đông và đối tác
- 18 Hành trình 25 năm
- 20 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 22 Các sự kiện nổi bật năm 2019
- 24 Các giải thưởng tiêu biểu
- 26 Sơ đồ tổ chức
- 28 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 34 Giới thiệu Ban Điều hành
- 40 Định hướng phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- 42 Rủi ro và quản lý rủi ro

2

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

- 46 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019
- 52 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2019
- 56 Kế hoạch hoạt động và giải pháp kinh doanh 2020
- 60 Nguồn nhân lực

3

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 64 Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
- 66 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 68 Trách nhiệm với môi trường

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

- 72 Báo cáo của Ban Điều hành
- 74 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán
- 78 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 81 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 82 Thuyết minh báo cáo tài chính

- 119 Mạng lưới hoạt động



TRẢI QUA 25 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, BÊN CẠNH VIỆC XÂY DỰNG MỘT THƯƠNG HIỆU BẢO HIỂM LỚN MẠNH, BẢO LONG LUÔN XEM YẾU TỐ CON NGƯỜI LÀ NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỘT DOANH NGHIỆP. BẰNG VIỆC TẬP TRUNG ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CÓ CHUYÊN MÔN CAO, BẢO LONG TIN VÀO MỘT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI ĐẦY TRIỂN VỌNG TRONG TƯƠNG LAI.

25 NĂM

ĐỒNG HÀNH ĐỒNG CHIA SẺ

BẢO LONG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀO VIỆC ĐẦU TƯ CÁC NGUỒN LỰC CHỦ CHỐT VỀ CON NGƯỜI, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH, TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, HƯỚNG ĐẾN VIỆC HOÀN THÀNH CHIẾN LƯỢC 5 NĂM (2018 - 2023)



NHỮNG CON SỐ TIÊU BIỂU NĂM 2019



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢO LONG KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY THÀNH LẬP (11/07/1995), GHI DẤU MỘT PHẦN TƯ THỂ KỶ HOẠT ĐỘNG BỀN BỈ, LUÔN ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ CÙNG KHÁCH HÀNG. SAU GIAI ĐOẠN TÁI CƠ CẤU, THAY ĐỔI TOÀN DIỆN VỀ CHẤT, BẢO LONG ĐANG TỪNG BƯỚC KHẮNG ĐỊNH VỊ THỂ VÀ VƯƠN ĐẾN NHỮNG TẦM CAO MỚI. HƯỚNG ĐẾN DỊP KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY THÀNH LẬP, BẢO LONG CÓ NHIỀU HOẠT ĐỘNG NHẪM NÂNG CAO HƠN NỮA VỊ TRÍ CỦA MÌNH TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM.

Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác thân mến,

Lời đầu tiên, thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong chặng đường 25 năm phát triển.

Tự hào là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã phát triển với đội ngũ nhân sự trên 945 nhân viên, 46 công ty thành viên, 230 điểm giao dịch và gần 1000 đại lý bảo hiểm cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm cho Khách hàng trên toàn quốc.

Sự lớn mạnh của Bảo Long ngày hôm nay là nhờ tinh thần đoàn kết, kề vai sát cánh cùng nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, nhân viên trên toàn hệ thống cũng như sự tin tưởng và ủng hộ của Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác. Chính vì vậy, trong hành trình **25 năm Đồng hành Đồng chia sẻ** Bảo Long luôn nỗ lực hết mình để đáp lại niềm tin mà Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã dành cho chúng tôi.

Đến thời điểm hiện tại, Bảo Long đã triển khai thực hiện và cơ bản hoàn thành các giải pháp chiến lược đã đề ra. Những nỗ lực này đã góp phần từng bước hoàn thiện mục tiêu phát triển Công ty trở thành một Công ty bảo hiểm hàng đầu thông qua khả năng cung cấp dịch vụ bảo hiểm.

Năm 2019, tổng Doanh thu Phí bảo hiểm là 1.225 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2018;

Lợi nhuận trước thuế đạt 52,8 tỷ đồng, hoàn thành 136% kế hoạch. Tổng tài sản đạt 1.996 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 675.2 tỷ đồng.

Kính thưa Quý vị,

25 năm qua là một chặng đường vẻ vang và rất đáng tự hào của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến toàn thể cán bộ nhân viên qua các thời kỳ của Bảo Long; các Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành, hỗ trợ và đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng và phát triển của Bảo Long.

Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược phát triển đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin mà Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã và sẽ tiếp tục dành cho Bảo Long.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Tôi xin chúc Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác An khang - Thịnh vượng.

Trân trọng!



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thành Long



Chương 01

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TẠO DỰNG THƯƠNG HIỆU
TỪ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tên tiếng Anh	: Bao Long Insurance Corporation
Tên giao dịch	: Bảo hiểm Bảo Long
Tên viết tắt	: Bảo Long
Địa chỉ	: 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Liên hệ	: Điện thoại: (84.28) 38 239 219 Fax: (84.28) 38 228 967 Website: www.baolonginsurance.com.vn
Tài khoản số	: 156 01 0126637 0001 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM
Vốn điều lệ	: 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)

25 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH BẢO HIỂM

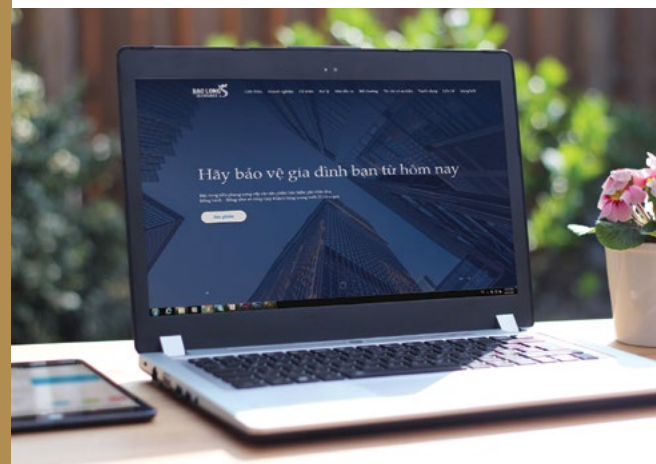
TRONG SUỐT CHẶNG ĐƯỜNG
HƠN 25 NĂM HOẠT ĐỘNG,
BẢO LONG LUÔN LẤY
CON NGƯỜI LÀ TRỌNG TÂM.
NHỜ ĐÓ, CÔNG TY NGÀY CÀNG
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA MÌNH,
ĐÓNG GÓP THIẾT THỰC VÀO SỰ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ
THỊNH VƯỢNG CHO CỘNG ĐỒNG
VÀ CHO XÃ HỘI.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm Phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long).

Trải qua 25 năm hoạt động và phát triển, đến nay Bảo Long đã có 46 công ty thành viên trực thuộc phân bố rộng khắp từ Nam ra Bắc. Ngoài ra, Bảo Long có gần 1,000 đại lý bảo hiểm đưa sản phẩm bảo hiểm tới tận tay người có nhu cầu. Với năng lực tài chính hùng mạnh, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.



SẢN PHẨM DÀNH CHO DOANH NGHIỆP

Bảo Long hiểu rõ thị trường và hiểu rõ những rủi ro. Chúng tôi cung cấp những hợp đồng bảo hiểm cho nhiều doanh nghiệp trong nước và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của các doanh nghiệp, bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào bạn có nhu cầu.

SẢN PHẨM DÀNH CHO CÁ NHÂN

Đây là những sản phẩm dành cho đối tượng khách hàng là các cá nhân riêng biệt. Tùy theo mỗi mục đích về nhu cầu mà mỗi khách hàng có thể lựa chọn cho mình sản phẩm bảo hiểm cá nhân phù hợp.

SLOGAN

"Đồng hành - Đồng chia sẻ "

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các Khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được
tín nhiệm hàng đầu

SỨ MỆNH

Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Con người
là trọng tâm



Đội ngũ
chính trực



Không ngừng
đổi mới

CÁC CAM KẾT CỦA
BẢO LONG

1



VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu
của Khách hàng, đưa ra giải pháp
sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ
nhANH chóng, chính xác.

2



VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội
cùng phát triển.

3



VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích
cho Cổ đông.

4



VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực
tham gia các hoạt động cộng đồng,
góp phần xây dựng xã hội ngày càng
tốt đẹp hơn.

5



VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện,
năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo
chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện
phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.

6



VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu,
đổi mới và hoàn thiện.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tổng số
Công Ty Thành viên
46
Công ty

Tổng số đại lý
Bảo hiểm trên toàn quốc
1.000
gần Đại lý

Tổng số điểm
giao dịch Bảo hiểm
230
Điểm giao dịch



CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

CỔ ĐÔNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đông là những doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) là những cổ đông lớn của Bảo Long.

ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

- Ngân hàng: là những ngân hàng hàng đầu như SCB, Eximbank, Tienphongbank, Sacombank, OCB, VietCapitalBank, KienLongBank, HDBank...
- Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống là các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Gras Savoye Willis, Jardine Lloyd's Thompson, Benfield...
- Kênh phân phối bảo hiểm mới như Viettel, Smartbuddy, ManuLife, MSH, Momo, Pharmacity...
- Tái bảo hiểm: Bảo Long đang cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tái bảo hiểm lớn trên thế giới như CCR (Caisse Centrale de Reassurance), Swiss Re, Munich Re, ACR, Lloyd's syndicate, QBE, AIG...



HÀNH TRÌNH 25 NĂM

1995 - 2020

TRONG SUỐT 25 NĂM QUA,
ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO
ĐÚNG ĐẮN VÀ SỰ NỖ LỰC CỦA
TẬP THỂ CÁN BỘ NHÂN VIÊN
CHÍNH LÀ YẾU TỐ TẠO NÊN
SỨC MẠNH GIÚP BẢO LONG
VƯỢT QUA KHÓ KHĂN,
NẮM BẮT CƠ HỘI VỚI NHỮNG
THÀNH QUẢ ĐÁNG TỰ HÀO,
THỂ HIỆN SỰ TRÂN TRỌNG,
KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY NHỮNG
GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG
TỐT ĐẸP MÀ BAO LỚP THẾ HỆ
CÁN BỘ NHÂN VIÊN CỦA
BẢO LONG ĐÃ XÂY DỰNG,
GÌN GIỮ VÀ BỒI ĐÁP NÊN.

1995

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG ĐƯỢC THÀNH LẬP

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rong) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

ĐỔI TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÀ RỒNG THÀNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài Chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rong thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG LÊN 19 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 06 Đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 đơn vị.

2014

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN LÀ CỔ ĐỒNG CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO LONG. THÀNH LẬP THÊM 2 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu Cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) là Cổ đông chiến lược của Bảo Long.

Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2015

CỔ PHIẾU BẢO LONG CHÍNH THỨC LÊN SÀN. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 404 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 30 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM, với mã chứng khoán BLI.

Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị, và vinh dự nhận được giải thưởng “Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015” do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn.

2016

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 500 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 41 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPD9C9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị.

Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2017

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 600 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 46 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2018

TỔNG DOANH THU ĐẠT 1.092 TỶ ĐỒNG VƯỢT CỘT MỐC 1.000 TỶ ĐỒNG

Với mục tiêu **Chuyển đổi Toàn diện - Nâng tầm Thương hiệu**, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 TỶ ĐỒNG doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ vào năm 2022 theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Năm 2018, Bảo Long tiếp tục vinh dự lọt Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam và Thương hiệu Mạnh Việt Nam 4 năm liên tiếp 2015 - 2016 - 2017 và 2018.

2019

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

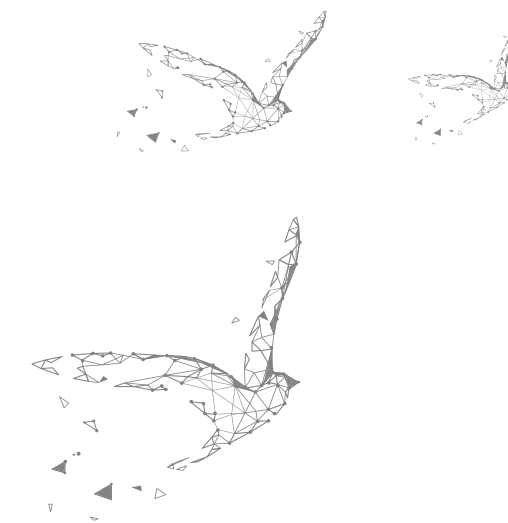
1.225

↑12% SO VỚI CÙNG KỲ

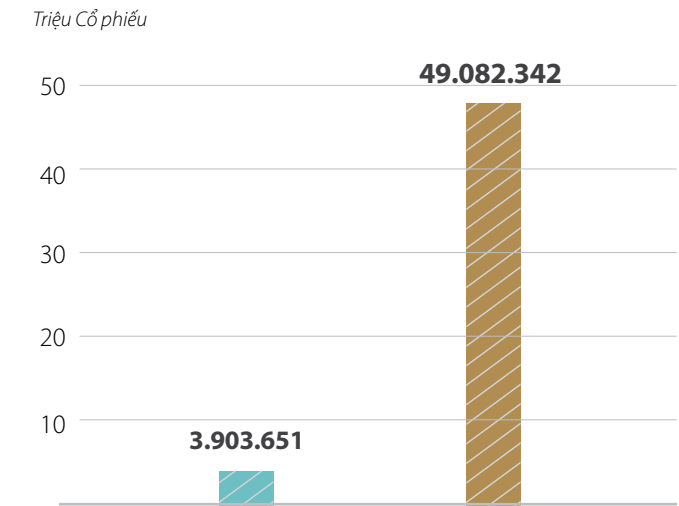
TIẾP TỤC KIẾN TOÀN BỘ MÁY CƠ CẤU TỔ CHỨC, PHÂN VÙNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục kiến toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, phân vùng hoạt động kinh doanh thành 2 trung tâm kinh doanh miền và 9 vùng trải dài từ Bắc chí Nam.

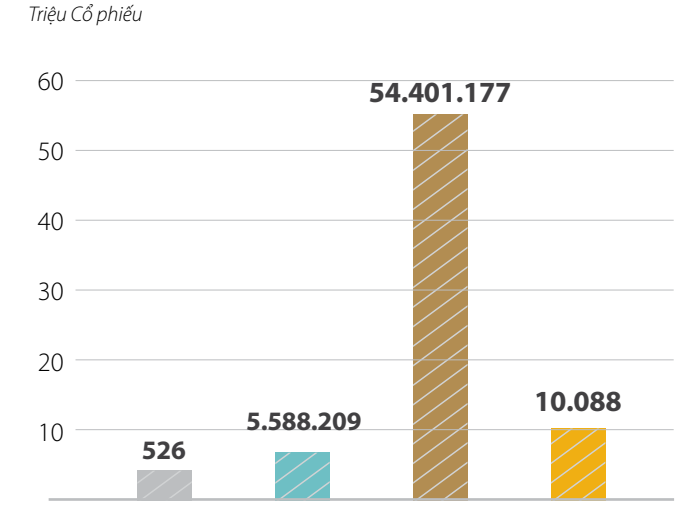
Bảo Long tiếp tục vinh dự lọt Thương hiệu Mạnh Việt Nam và đạt được giải thưởng Tin & Dững Việt Nam.



THÔNG TIN CỔ PHẦN
VÀ CỔ ĐÔNG



● CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN (CỔ PHIẾU) ●



● CƠ CẤU SỞ HỮU (CỔ PHIẾU) ●

■ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) : 49.082.342
■ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) : 3.903.651

■ Cá nhân trong nước : 5.588.209
■ Tổ chức trong nước : 54.401.177
■ Cá nhân nước ngoài : 10.088
■ Cổ phiếu quỹ : 526

Vốn điều lệ
600
Tỷ VND

Vốn điều lệ của Công ty	: 600.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 600.000.000.000 đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 59.999.474 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: 526
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số cổ phiếu niêm yết	: 60.000.000 cổ phiếu



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2019



28/02/2019

Bảo Long vinh dự lọt Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2019 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công nhận.



20/03/2019

Bảo Long chính thức áp dụng hình thức hóa đơn điện tử, tiến tới Doanh nghiệp 4.0, giúp nâng cao tiện ích cho Khách hàng.



29/03/2019

Bảo Long tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 tại Trụ sở chính Tổng Công ty.



03/04/2019

Trong tháng 4.2019, Bảo Long kết hợp cùng ứng dụng ví điện tử Momo phát triển ứng dụng mua bảo hiểm du lịch toàn cầu trực tuyến.



17/07/2019

Bảo Long tổ chức thành công Hội nghị Sơ kết năm 2019 kết hợp nghỉ mát hàng năm tại Thái Lan. Tiệc tối Gala Dinner được tổ chức hoành tráng với nhiều tiết mục biểu diễn văn nghệ sôi nổi và ý nghĩa của CBNV là dịp giao lưu, kết nối giữa các Lãnh đạo và CBNV. Bảo Long cũng như Lãnh đạo Bảo Long và các đối tác lớn nước ngoài.



T8/2019

Bảo Long phát động chương trình chạy bộ từ thiện Run For Fund dành cho CBNV.



16/08/2019

Bảo Long kết hợp cùng Ngân hàng Bản Việt tổ chức thành công Hội nghị Hợp tác Bảo hiểm thông qua Kênh Bancassurance tại Hà Nội.



16/09/2019

Bảo Long tổ chức thành công cuộc thi ảnh du lịch quy mô toàn hệ thống với tổng giá trị giải thưởng lên đến 20 triệu đồng, thu hút hơn 100.000 lượt tương tác tại Mạng xã hội Facebook, góp phần nâng cao sự gắn kết giữa các nhân viên Bảo Long.



30/12/2019

Bảo Long hợp tác cùng Pharmacity hướng đến cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho từng cá nhân.

CÁC GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU

"CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT
NĂM 2006"

do báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức

BẰNG KHEN

"DOANH NGHIỆP CÓ THÀNH TÍCH THỰC
HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH THUẾ NĂM 2007"

TOP 20

"DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM NĂM 2012"

do Cục Sở hữu Trí tuệ, Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam,
Viện Sở hữu Trí tuệ, Hội Bảo vệ Người tiêu dùng
bình chọn

GIẤY KHEN

"CHẤP HÀNH TỐT NGHĨA VỤ THUẾ
NĂM 2017"

do Cục Thuế TP.HCM trao tặng

BẰNG KHEN

"DOANH NGHIỆP ĐÃ CÓ NHIỀU
THÀNH TÍCH ĐÓNG GÓP VÀO QUÁ TRÌNH
PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM
VIỆT NAM TỪ NĂM 1999 – 2015"

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

"ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH TRONG
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP PHẦN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
BẢO HIỂM TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2015"

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

"DỊCH VỤ BẢO HIỂM TỐT NHẤT VIỆT NAM
NĂM 2015"

do Tạp chí Global Banking & Finance Review của
Anh Quốc bình chọn

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

"THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 5 NĂM
LIÊN TIẾP 2015 - 2016 - 2017 - 2018 - 2019"

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

TOP 10

CÔNG TY BẢO HIỂM UY TÍN NHẤT VIỆT NAM
3 NĂM LIÊN TIẾP 2016 - 2017 - 2018

do Vietnam Report phối hợp với Báo Vietnam Net
– Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức

TOP 20

THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO
2017 VỚI SẢN PHẨM BẢO HIỂM BẢO TÂM AN

do Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ Thương hiệu
Việt Nam cùng Báo Thương hiệu và Công luận
phối hợp tổ chức

TOP 500

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM VÀ
DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH
NHẤT VIỆT NAM 2 NĂM LIÊN TIẾP 2018 - 2019

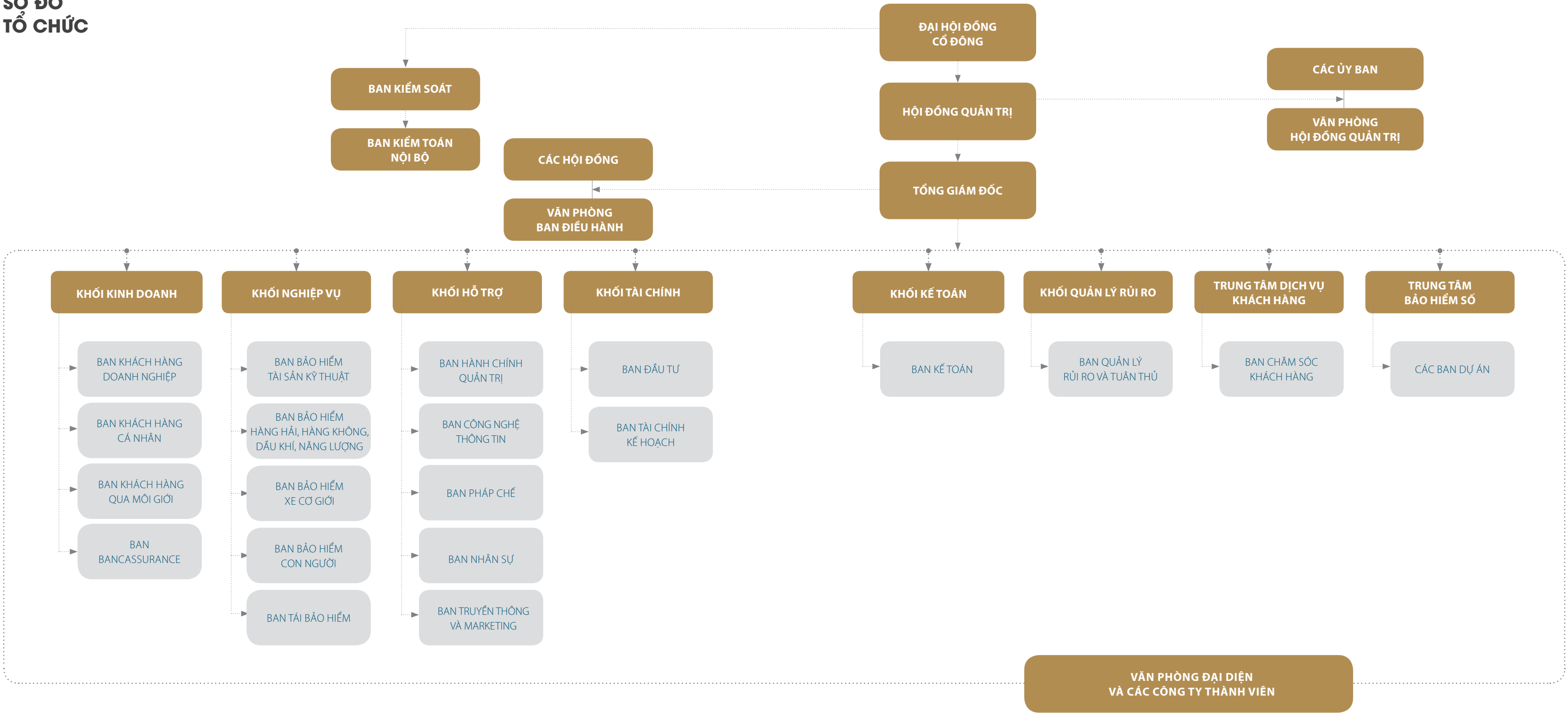
do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam
(Vietnam Report) phối hợp với VietNamNet tổ chức

DANH HIỆU

THƯƠNG HIỆU TIN & DÙNG VIỆT NAM
NĂM 2019

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn





GIỚI THIỆU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

01

Ông NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

02

Ông NGUYỄN HỮU TUẤN

Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

03

Ông NGUYỄN VĂN THANH HẢI

Thành viên Hội đồng Quản trị

04

Ông NGUYỄN CỬU TÍNH

Thành viên Hội đồng Quản trị

05

Ông PHAN QUỐC DŨNG

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

06

Bà PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGD Điều hành

07



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

01



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Nguyễn Văn Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

02



ÔNG NGUYỄN HỮU TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Hữu Tuấn từng làm việc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn Tourist.

Hiện nay, Ông Nguyễn Hữu Tuấn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông.

03



ÔNG NGUYỄN VĂN THANH HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng Đại học Ngân hàng Tp.HCM.

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải từng đảm nhiệm nhiều chức vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn như: Phó phòng Tín dụng và Bảo lãnh, Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà Rộng, Phó Giám đốc Chi nhánh Gia Định, Phó Giám đốc Chi nhánh Long An, Giám đốc Chi nhánh Gia Định, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn Thanh Hải giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

04



ÔNG NGUYỄN CỬU TÍNH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cửu Tính tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Ông Nguyễn Cửu Tính từng giữ nhiều chức vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn như Thư ký Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, Phó Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phó Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa, quyền Giám đốc Chi nhánh Củ Chi và Giám đốc Chi nhánh Gia Định.

Hiện nay, Ông Nguyễn Cửu Tính giữ chức vụ thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Chi nhánh Cống Quỳnh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

05



ÔNG PHAN QUỐC DŨNG
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

06



BÀ PHẠM MINH CHÂM
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

07

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ LÊ THỊ THANH BÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Lê Thị Thanh Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.



BÀ NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Tường Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG VÕ HOÀNG DUY TRINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Võ Hoàng Duy Trinh có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Giám đốc Phòng Đào tạo Kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, Ông Tôn Thất Diên Khoa giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



ÔNG PHAN QUỐC DŨNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

01



BÀ PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

02



ÔNG HÀ MINH HIẾU

Kế toán trưởng

Ông Hà Minh Hiếu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán – Kiểm toán thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hiếu có hơn 05 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, đảm nhiệm Chức vụ Trưởng nhóm Kiểm toán; hơn 07 năm làm việc trong ngành bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Long, từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long và Trưởng phòng Kế toán - Tổng hợp Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn.

Hiện nay, ông Hà Minh Hiếu đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

03



ÔNG DƯƠNG QUANG NGỌC

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Ông Ngọc hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

04



ÔNG TRẦN THANH NAM

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt - Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

05



ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Nguyễn Ngọc Lân có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 8 – Sông Hồng & Bắc Sông Hồng, Giám đốc Vùng 9 – Đông Bắc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

06

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



BÀ LÊ THANH HẰNG

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Lê Thanh Hằng có trên 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rong, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 5 - Tây Nguyên kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

07



ÔNG ĐOÀN TRỌNG THẮNG

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Đoàn Trọng Thắng có hơn 26 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 10 năm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford), Trưởng phòng Kinh doanh số 5 - Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rong, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rong, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Đoàn Trọng Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Vùng 2 - Hà Nội kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

08



ÔNG HÀ HOÀNG GIANG

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Hà Hoàng Giang có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 22 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu viễn dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đồng Phương thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

09



BÀ NGUYỄN THÚY HẰNG

Giám đốc khối kiêm Chánh văn phòng HĐQT

Bà Nguyễn Thúy Hằng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh trường Đại học Tài chính - Marketing.

Bà Nguyễn Thúy Hằng đã từng đảm nhiệm vị trí Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay Bà Hằng đang giữ chức vụ Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

10



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

TRỞ THÀNH CÔNG TY BẢO HIỂM ĐƯỢC TÍN NHIỆM HÀNG ĐẦU

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc gia tăng tiềm lực tài chính; Cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối; Nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Khách hàng. Mặt khác, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh Thương hiệu của Bảo Long trên thị trường. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án CNTT để bắt kịp xu thế Insurtech trong thời đại 4.0.



LÀ MỘT TRONG NHỮNG
CÔNG TY BẢO HIỂM
ĐÁNG TIN CẬY, BẢO LONG
NHẬN THỨC RÕ VAI TRÒ
CỐT LÕI TRONG VIỆC
HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
BẰNG CÁC HÀNH ĐỘNG
CỤ THỂ GẮN LIỀN VỚI CÁC
YẾU TỐ NỀN TẢNG:
XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
GIÀU MẠNH,
ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM,
PHÁT TRIỂN KINH TẾ,
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG.



Chung tay xây dựng Đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho Người Lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.



Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho Khách hàng, chia sẻ rủi ro với Cộng đồng.



Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.



Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của Đất nước có điều kiện học tập, trau dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.

RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

TRƯỚC SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÁC RỦI RO NGÀY CÀNG ĐA DẠNG, BẢO LONG KHÔNG NGỪNG NỖ LỰC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CÁC GIẢI PHÁP, CÔNG CỤ ĐỂ ĐO LƯỜNG VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO. QUA ĐÓ, BẢO LONG VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN XÁC ĐỊNH, PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO MỘT CÁCH HỆ THỐNG, ĐẢM BẢO CÁC RỦI RO ĐƯỢC QUẢN LÝ KỊP THỜI, HIỆU QUẢ, ĐẢM BẢO SỰ CÂN BẰNG GIỮA QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG. VIỆC TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP VỪA GIÚP DOANH NGHIỆP TẠO DỰNG ĐƯỢC MỘT CÔNG CỤ HIỆU QUẢ VỪA TẠO THÊM GIÁ TRỊ MỚI VÀ BẢO TOÀN GIÁ TRỊ CHO DOANH NGHIỆP.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược của Bảo Long có thể phát sinh từ những thay đổi trong chiến lược/ chính sách của Chính phủ về ngành bảo hiểm hay các định chế tài chính và các ngành có liên quan, cũng như phát sinh từ việc Bảo Long định hướng chiến lược không đúng đắn hoặc tập trung vào quá nhiều mục tiêu, phản ứng chậm đối với những thay đổi về xu hướng trong kinh doanh của thị trường,... Bảo Long đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để giảm thiểu rủi ro chiến lược.



RỦI RO VẬN HÀNH

Rủi ro bảo hiểm

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá,...

Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Cán bộ nhân viên,...

Rủi ro gian lận và trục lợi

Rủi ro gian lận và trục lợi bảo hiểm có thể phát sinh từ hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi đã xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo Long mà đáng lý ra họ không được hưởng.

Bảo Long đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và kiểm toán nội bộ; nâng cao trình độ nghiệp vụ của Cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao nhận thức về pháp lý, văn hóa quản lý rủi ro,... để góp phần giảm thiểu rủi ro.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc không hoặc không có khả năng không thu hồi được các khoản nợ từ Khách hàng tham gia bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính của Bảo Long tại các Đối tác (tiền gửi Ngân hàng, các công cụ tài chính khác). Bảo Long đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro này.

Rủi ro thanh khoản

Mục tiêu của Bảo Long là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Bảo Long đã xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro lãi suất

Với những biến động của thị trường tài chính trong thời gian vừa qua, Bảo Long thường xuyên rà soát để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Rủi ro hiệu quả đầu tư

Rủi ro hiệu quả đầu tư phát sinh từ những sai lầm về Chiến lược đầu tư không phù hợp năng lực Bảo Long và tình hình thị trường hay việc tập trung quá mức đối với một công cụ tài chính riêng lẻ dẫn đến thiệt hại đối với thu nhập từ đầu tư hay thiệt hại vốn đầu tư của Bảo Long. Để kiểm soát rủi ro này, Bảo Long luôn thận trọng trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, tái đánh giá định kỳ hiệu quả từng danh mục đầu tư, cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Bảo Long. Đặc biệt trong tình hình hội nhập sâu rộng như hiện nay.



RỦI RO KHÁC

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, Bảo Long đang kiểm soát các rủi ro này bằng việc rà soát, cập nhật các quy định mới để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Rủi ro nhân sự

Con người là yếu tố then chốt và chủ yếu đến sự tồn tại và phát triển của Bảo Long. Rủi ro nhân sự là rủi ro phát sinh từ những sai lầm hoặc thiếu sót trong công tác Quản trị nhân sự như: tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ,... Bảo Long đang hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng một chính sách thu hút và duy trì nhân sự tối ưu để đảm bảo đời sống của Cán bộ nhân viên, tạo điều kiện cống hiến và phát triển bền vững tại Bảo Long nhằm góp phần hạn chế rủi ro này.

Chương 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ
KINH DOANH NĂM 2019 VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH
NĂM 2020

NHÌN XA **TRÔNG RỘNG**
VỚI **CHIẾN LƯỢC HIỆU QUẢ**



Tổng doanh thu phí Bảo hiểm trong năm 2019

1.225

Tỷ VND

↑ **12%** So với năm 2018

NĂM 2019 LÀ NĂM THỨ HAI CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 5 NĂM (2018 -2023). KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHỮNG NĂM QUA LÀ MINH CHỨNG CHO SỰ NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA BẢO LONG ĐỂ MANG TỚI NHỮNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TỐT NHẤT CHO KHÁCH HÀNG. QUA ĐÓ, BẢO LONG TỪNG BƯỚC NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA MÌNH TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2020, tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ khó khăn hơn năm 2019 trong điều kiện leo thang chiến tranh thương mại và chính sách bảo hộ, dịch Covid-19 bùng phát, sự suy thoái của các nền kinh tế lớn và rủi ro tài chính gia tăng ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi. Trong báo cáo về triển vọng kinh tế định kỳ, OECD cảnh báo rằng dịch Covid-19 hiện đang là mối đe dọa lớn nhất cho nền kinh tế thế giới kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cung, cầu và thương mại hàng hóa dịch vụ trên toàn thế giới. Bên cạnh đó tình hình kinh tế thế giới năm 2020 tiếp tục nằm trong bối cảnh biến động phức tạp khi xung đột chính trị, các chính sách bảo hộ thương mại của các quốc gia tiếp tục gia tăng. Đặc biệt cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ tác động sâu rộng đến tăng trưởng kinh tế và chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy vậy, tâm lý chung của thế giới vẫn khá lạc quan khi Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận giai đoạn một về tranh chấp thương mại, được ký kết vào ngày 15/1, cũng như việc

Tổng thống Trump cuối năm 2019 đã ký đưa vào thực thi hiệp định thương mại với Mexico và Canada. Những vấn đề chính trị như bất ổn ở Hong Kong và tình hình Brexit cũng được kỳ vọng giảm mức độ căng thẳng trong năm 2020.

Nền kinh tế toàn cầu năm 2020 được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 2,5%. Trong đó, kinh tế thị trường mới nổi dự báo tăng trưởng 4,1%; trong khi các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm xuống 1,4%.

Trong nỗ lực chiến đấu với đại dịch COVID-19 trên toàn cầu, Chính phủ Việt Nam đang được quốc tế đánh giá cao về những biện pháp chống dịch hiệu quả. Điều này được giới phân tích đánh giá là giúp giảm thiểu áp lực và tạo lợi thế lớn cho nền kinh tế khi mở cửa trở lại sau dịch. Tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam đúng là không thể như kỳ vọng ban đầu nhưng vẫn có thể đạt mức trên dưới 4% do các biện pháp kiểm soát dịch bệnh cùng các gói hỗ trợ bơm ra cho nền kinh tế kịp thời. Lần đầu tiên Việt Nam lọt top 50 nền kinh tế thế giới xét về quy mô nền kinh tế. Xuất khẩu của các doanh

nh nghiệp trong nước tăng trưởng tốt trong năm 2019 và được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong năm 2020 khi Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (IPA) đã được ký kết. Bên cạnh kết quả tốt đạt được từ các doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành du lịch và lưu trú, giáo dục, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, logistics, công nghệ lưu trữ dữ liệu cũng được dự báo sẽ phát triển trong năm 2020 nhờ hưởng lợi từ các xu hướng chung của thế giới. Các doanh nghiệp thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng, nhóm dịch vụ công nghệ hỗ trợ, nhóm liên quan đến tài chính, đặc biệt là bất động sản cũng rất được các nhà đầu tư quan tâm. Việc ổn định mặt bằng lãi suất, lạm phát; điều hành linh hoạt và kiểm soát tốt biến động về tỷ giá cũng sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2020.

Trước tình hình kinh tế thế giới và định hướng kinh tế Việt Nam cho năm 2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội 2020 với các mục tiêu tổng quát: Tiếp tục bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát,

nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế; hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi...

Nghị quyết cũng đặt ra các chỉ tiêu:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 4,5%;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7%. Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%;
- Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân dưới 4%.

Thành quả tăng trưởng năm 2019 sẽ tạo đà cả về vật chất lẫn tinh thần để thúc đẩy tăng trưởng năm 2020 mặc dù vẫn còn những dự báo về khó khăn tiềm ẩn. Việt Nam có những thuận lợi cụ thể như: Kinh tế vĩ mô của Việt Nam được duy trì ổn định; thương mại được thúc đẩy thông qua thực hiện và tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do; sự đóng góp của các khu vực tư nhân ngày càng tăng trong khi đó, tiêu dùng trong nước tiếp tục là động lực với sự gia tăng của tầng lớp trung lưu.

TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM

Tình hình bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam năm 2019 có những chuyển đổi tích cực so với năm 2018. Dự báo trong năm 2020 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức cao và có nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển doanh thu, thị phần. Động lực tăng trưởng của thị trường này sẽ bao gồm 4 trụ cột: Doanh số bán xe hơi mới tăng nhanh; tăng trưởng xuất khẩu ổn định; tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng nhanh chóng và cuối cùng là sự gia tăng trong đầu tư về cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh sự tăng trưởng được kỳ vọng cao thì sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ cũng sẽ

được các doanh nghiệp chú trọng hơn trong thời gian tới. Ngoài các sản phẩm truyền thống hiện nay vẫn giữ vai trò cốt lõi như bảo hiểm xe cơ giới, tài sản, sức khỏe, phươg tiện... thì nhiều doanh nghiệp đang đưa ra những sản phẩm mới phù hợp theo nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng.

Về kênh phân phối cho các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, doanh thu ở các kênh hiện đại có xu hướng tăng do: Tầng lớp trung lưu tăng lên nhanh chóng làm gia tăng nhu cầu dùng các dịch vụ của tài chính, trong đó có bảo hiểm; sự phát triển nhanh chóng của internet, chi phí cho công nghệ số hóa thấp làm tăng cơ hội để phát triển hoạt động số hóa sản phẩm bảo hiểm.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	KH 2019 triệu đồng	TH 2019 triệu đồng	HTKH %
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.270.000	1.224.878	96,4%
- Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.203.637)	(1.158.610)	96,3%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	66.363	66.268	99,9%
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu đầu tư tài chính	86.086	94.398	109,7%
- Chi phí đầu tư tài chính	(10.339)	(7.278)	70,4%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	75.747	87.120	115,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(103.521)	(100.538)	97,1%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	38.589	52.850	137,0%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	601.954	566.779	94,2%
Vốn chủ sở hữu (*)	694.534	675.143	97,2%
Danh mục đầu tư	1.015.768	1.124.808	110,7%
Tổng tài sản	2.100.000	1.996.196	95,1%

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BẢO HIỂM

Doanh thu
Phí bảo hiểm 2019
1.225
Tỷ VND
↑ **12%**
So với năm 2018

Tỷ lệ chi phí bồi thường
(Gốc và nhận tái)
40,5%

Doanh thu từ phí bảo hiểm
Năm 2019, doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.224.878 triệu đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2018, hoàn thành 96,4% kế hoạch đề ra.

Chi phí bồi thường
Tỷ lệ chi phí bồi thường trên tổng doanh thu năm 2019 là 40,5%. Trong đó, tỷ lệ bồi thường hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc đã giảm từ 42,5% tại thời điểm 31/12/2018 còn 41,3% tại thời điểm 31/12/2019. Tỷ lệ bồi thường hoạt động nhận tái năm 2019 là 30,2%, giảm mạnh so với tỷ lệ bồi thường cùng kì năm 2018 (37,7%).

Chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí bán hàng và chi phí khác hoạt động kinh doanh tại các đơn vị kinh doanh

Tỷ lệ chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác (chi phí dự phòng dao động lớn và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) cho mục đích hoạt động kinh doanh trực tiếp trên tổng doanh thu 2019 tương đương kế hoạch đề ra và không biến động so với năm 2018.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019

NĂM 2019 LÀ NĂM THỨ HAI BẢO LONG TRIỂN KHAI 8 NHÓM GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 5 NĂM, TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2022. TẠI MỖI NHÓM GIẢI PHÁP CẢ HỆ THỐNG ĐỀU NỖ LỰC ĐỂ HOÀN THÀNH NHỮNG MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐÃ ĐỀ RA.

01 KÊNH PHÂN PHỐI



1. Mạng lưới bán lẻ truyền thống là các đơn vị thành viên

Hệ thống phân phối của Bảo Long bao gồm kênh khai thác truyền thống là các đơn vị thành viên, hệ thống đại lý, tái bảo hiểm và kênh khai thác hiện đại như bancassurance, mobilassurance, online ... Trong năm 2019, hầu hết các kênh phân phối của Bảo Long đều ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực. Doanh thu các đơn vị thành viên tăng trưởng 4%, kênh bancassurance tăng trưởng 11% và đặc biệt doanh thu khai thác qua kênh môi giới đạt tốc độ tăng trưởng rất ấn tượng 93% so với cùng kỳ.

Bên cạnh việc thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, đối với mỗi kênh phân phối, Bảo Long đều nỗ lực triển khai các giải pháp để tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn, như tăng cường mở rộng và củng cố mạng lưới ngân hàng liên kết, phát triển sản phẩm sức khỏe toàn diện và Bảo Long Care, tiếp tục hợp tác đại lý với các tổ chức bán lẻ và các đối tác chuyên bán sản phẩm du lịch; Tích hợp với app và IMB của các Ngân hàng để triển khai bán hàng...

02 SẢN PHẨM



Để đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của khách hàng cũ, phù hợp với sự phát triển của hệ thống các kênh phân phối, trong năm 2019 hệ thống sản phẩm của Bảo Long cũng tiếp tục được nâng cấp và đa dạng hóa.

Các sản phẩm hiện hữu được nâng cấp, hoàn thiện bắt kịp hơn với thực tế kinh doanh như bảo hiểm Vật chất xe cơ giới, bảo hiểm Dự lịch, bảo hiểm An tâm tín dụng.

Năm 2019, Bảo Long triển khai các sản phẩm mới: Gói bảo hiểm vật chất và các rủi ro đặc biệt của xe máy (Golden bike; gói bảo hiểm cho cá nhân (bao gồm trách nhiệm cá nhân); trách nhiệm cho công ty tài chính, chứng khoán, quản lý quỹ; tín dụng xuất nhập khẩu và cung ứng nội địa...

Đối với nhóm bảo hiểm sức khỏe, Bảo Long đã hoàn tất hệ thống TPA và direct billing để nâng cao tiện ích cho các khách hàng tham gia loại hình bảo hiểm này.

03 NGUỒN NHÂN LỰC



Năm 2019, Bảo Long đã xây dựng phần mềm quản lý nhân sự, dự kiến bắt đầu triển khai trong quý I năm 2020. Hệ thống hồ sơ nhân sự cũng được hoàn thiện và nâng cao tính pháp lý. Quy chế lương cùng hệ thống KPI tiếp tục được chỉnh sửa hoàn thiện để phù hợp hơn với tình hình thực tế.

Văn hóa doanh nghiệp từng bước được định hình và xây dựng thông qua các hoạt động nội bộ bao gồm các nội dung hợp chiến lược, thảo luận nội bộ, các hoạt động truyền thông nội bộ định kỳ hàng tháng, các hoạt động cộng đồng.

Các khóa đào tạo trực tuyến E-learning được triển khai thường xuyên, định kỳ đến tất cả các đối tượng cán bộ nhân viên của Bảo Long từ các quy định cơ bản về Bảo Long, cũng như các kiến thức cơ bản liên quan đến sản phẩm và các nghiệp vụ bảo hiểm hoặc nghiệp vụ liên quan đến vị trí công việc.

05 QUY TRÌNH KINH DOANH



Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng quản lý rủi ro của Bảo Long, trong năm 2019, Bảo Long tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình kinh doanh để đảm bảo sự hoạt động thông suốt, hiệu quả trên toàn hệ thống, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Theo đó, nhiều quy trình kinh doanh đã được hoàn thiện bao gồm quy trình hỗ trợ bán hàng, quy trình vận hành hệ thống call center (bao gồm tư vấn, giải đáp nhu cầu của KH, điều phối việc khai báo tai nạn cho toàn hệ thống...); quy trình nhập liệu tập trung để chuẩn hóa dữ liệu đầu vào; triển khai quy trình cấp giấy chứng nhận online, quy trình quản lý hóa đơn, ấn chỉ...

04 THƯƠNG HIỆU



Để nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu, kết nối rộng rãi hơn với người tiêu dùng và cộng đồng kinh doanh trên toàn quốc, Bảo Long tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá và truyền thông một cách xuyên suốt trong năm 2019.

Năm 2019, Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng lớn từ nhiều tổ chức uy tín như Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 20 Thương hiệu mạnh phát triển bền vững - sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao VN, Giải thưởng Tin & Dùm Việt Nam (2019). Đây là minh chứng cho sự kiên định và nỗ lực không ngừng của Bảo Long trong nhiều năm để mang tới những sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

06 NĂNG LỰC TÀI CHÍNH



Theo chiến lược 5 năm, Bảo Long vẫn đang làm việc và tiếp xúc với một số nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện việc tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2022.

Bên cạnh mục tiêu tăng vốn để nâng cao năng lực tài chính, Bảo Long vẫn tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý tài chính đảm bảo tình hình tài chính doanh nghiệp luôn minh bạch, đáp ứng tốt các yêu cầu tuân thủ về thanh khoản, biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

07 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Với định hướng trở thành doanh nghiệp dẫn đầu về sự năng động cải tiến trong việc áp dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh, Bảo Long tiếp tục triển khai các dự án CNTT, bao gồm:

- Hoàn thiện quy trình cấp đơn online cho các sản phẩm Hàng hải, Xe cơ giới, Bảo Tâm An;
- Hoàn thiện ứng dụng phân hệ giám định bồi thường online trên điện thoại di động;
- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giá sửa chữa và phụ tùng xe cơ giới;
- Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử;
- Website bán hàng và kết nối dành cho các đối tác của Bảo Long;
- Web bán hàng online sản phẩm BTA cho nội bộ Bảo Long;
- Web hỗ trợ tính phí cho sản phẩm xe cơ giới;
- Cổng thanh toán điện tử tích hợp OnePay dùng cho toàn bộ sản phẩm của Bảo Long;
- Chuyển đổi nâng cấp hạ tầng từ CMC về trung tâm hạ tầng Quang Trung..

08 QUẢN LÝ RỦI RO



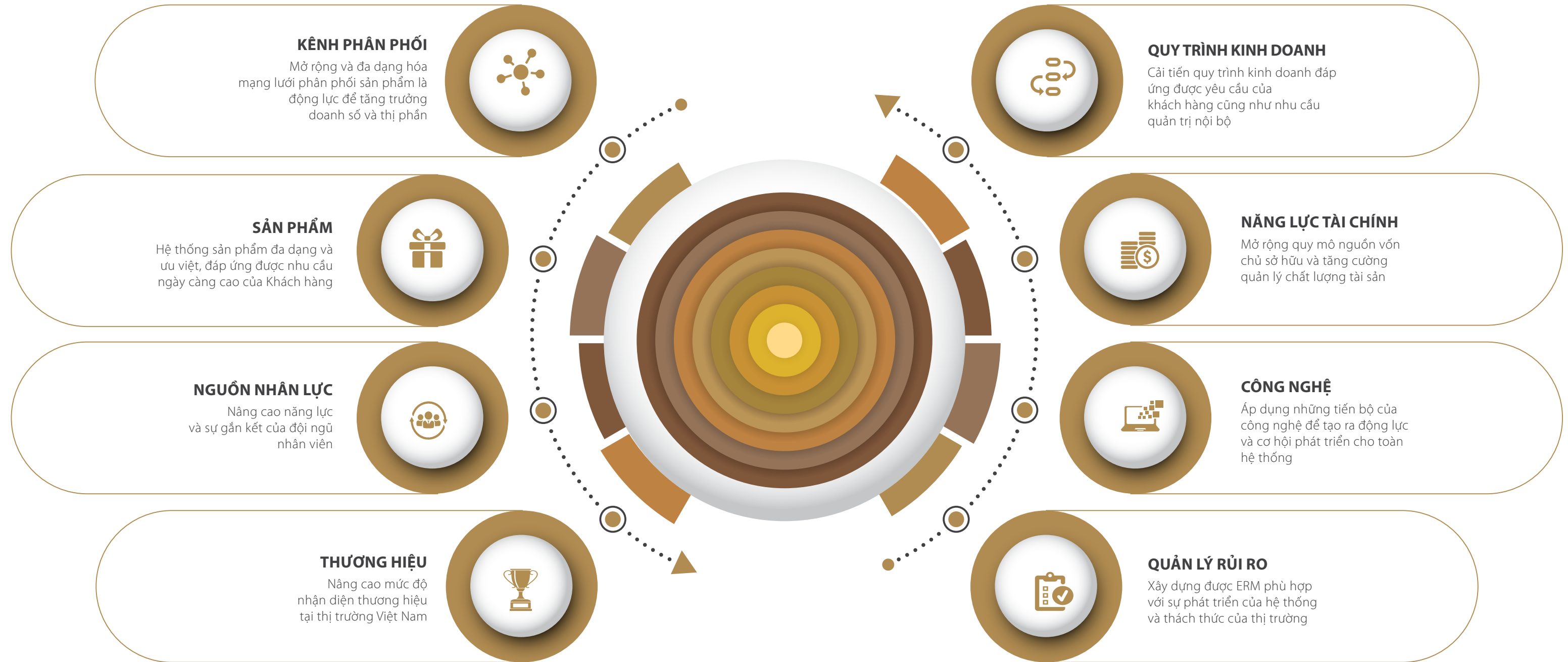
Năm 2019, Bảo Long đã hoàn tất việc trình HĐQT thông qua chiến lược QLRR đến 2022 và kết quả đánh giá hiện trạng danh mục rủi ro trong hoạt động kinh doanh, cũng như Khẩu vị rủi ro trong hoạt động kinh doanh tại Bảo Long trong thời gian tới.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã thực hiện các quy định tăng cường quản lý rủi ro hoạt động:

- Thường xuyên rà soát và điều chỉnh các quy trình kinh doanh;
- Triển khai hoạt động cấp đơn online, duyệt giá online, để hỗ trợ công tác quản lý kinh doanh cũng như gia tăng tiện ích cho ĐVTV;
- Hoạt động kiểm tra ĐV được cải thiện theo hướng linh hoạt hơn để tiết giảm tối đa thời gian tác nghiệp của ĐVKD nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý;
- Nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH 2020





KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH 2020 (tiếp theo)

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2020

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2020 được trình bày trong bảng dưới đây:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	TH 2019 triệu đồng	%	KH 2020 triệu đồng	%	% tăng trưởng
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm					
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.224.878	100,0%	1.520.000	100,0%	24,1%
- Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.158.610)	-94,6%	(1.445.796)	-95,1%	24,8%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	66.268	5,4%	74.204	4,9%	12,0%
Hoạt động đầu tư tài chính					
- Doanh thu đầu tư tài chính	94.398	7,7%	96.084	6,3%	1,8%
- Chi phí đầu tư tài chính	(7.278)	-0,6%	(8.294)	-0,5%	14,0%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	87.120	7,1%	87.790	5,8%	0,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(100.538)	-8,2%	(122.323)	-8,0%	21,7%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	52.850	4,3%	39.671	2,6%	-24,9%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	TH 2019 triệu đồng	KH 2020 triệu đồng	% tăng trưởng
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	566.779	690.811	21,9%
Vốn chủ sở hữu (*)	675.204	675.597	0,1%
Danh mục đầu tư	1.124.808	1.158.307	3,0%
Tổng tài sản	1.996.196	2.150.000	7,7%

NGUỒN
NHÂN LỰC
LÀ TÀI SẢN
“VÔ GIÁ”
CỦA CÔNG TY



Tổng số nhân viên
đến Tháng 12 /2019

945
Nhân viên

Lao động có trình độ
Đại học & Sau đại học

68%
lao động

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: Chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, trang bị bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm xe máy cho CBNV hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, các ngày Lễ trong năm...



Chương 03

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

PHỤNG SỰ **CỘNG ĐỒNG**
VỚI **GIÁ TRỊ NHÂN VĂN**



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NÓI CHUNG VÀ BẢO LONG NÓI RIÊNG THÌ BA YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP LÀ: NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG, ĐÓNG GÓP CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP. TRONG ĐÓ THÌ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP LÀ YẾU TỐ CỐT LÕI.

Nhận biết được tầm quan trọng của Quản trị Doanh nghiệp trong thời gian qua, Bảo Long luôn rà soát và điều chỉnh mô hình hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, tiếp cận các chuẩn mực Quốc tế để kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.



XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

BẢO LONG LUÔN HOẠT ĐỘNG TRÊN TINH THẦN THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT.

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Với tôn chỉ đó, Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử Cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.



ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

BẢO LONG TIẾP TỤC TẬP TRUNG XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ DỰA TRÊN NIỀM TIN, UY TÍN ĐẢM BẢO TỐI ĐA GIÁ TRỊ VÀ LỢI ÍCH.

Năm 2019 Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng Thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với Nhà đầu tư, Cổ đông:

Phát triển hiệu quả, gia tăng giá trị tài sản

- Thực hiện Quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị Cổ đông.

Tạo dựng kênh truyền thông, đối thoại mở

- Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho Nhà đầu tư, Cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng. Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho Nhà đầu tư, Cổ đông.

Minh bạch thông tin tài chính

- Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các Nhà đầu tư, Cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

VỚI PHƯƠNG CHÂM “ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ” BẢO LONG KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN ĐỂ MANG LẠI DỊCH VỤ TỐT NHẤT CHO CÁC KHÁCH HÀNG.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như qua kênh Bancassurance, kênh Môi giới, Mobilassurance... Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/7.

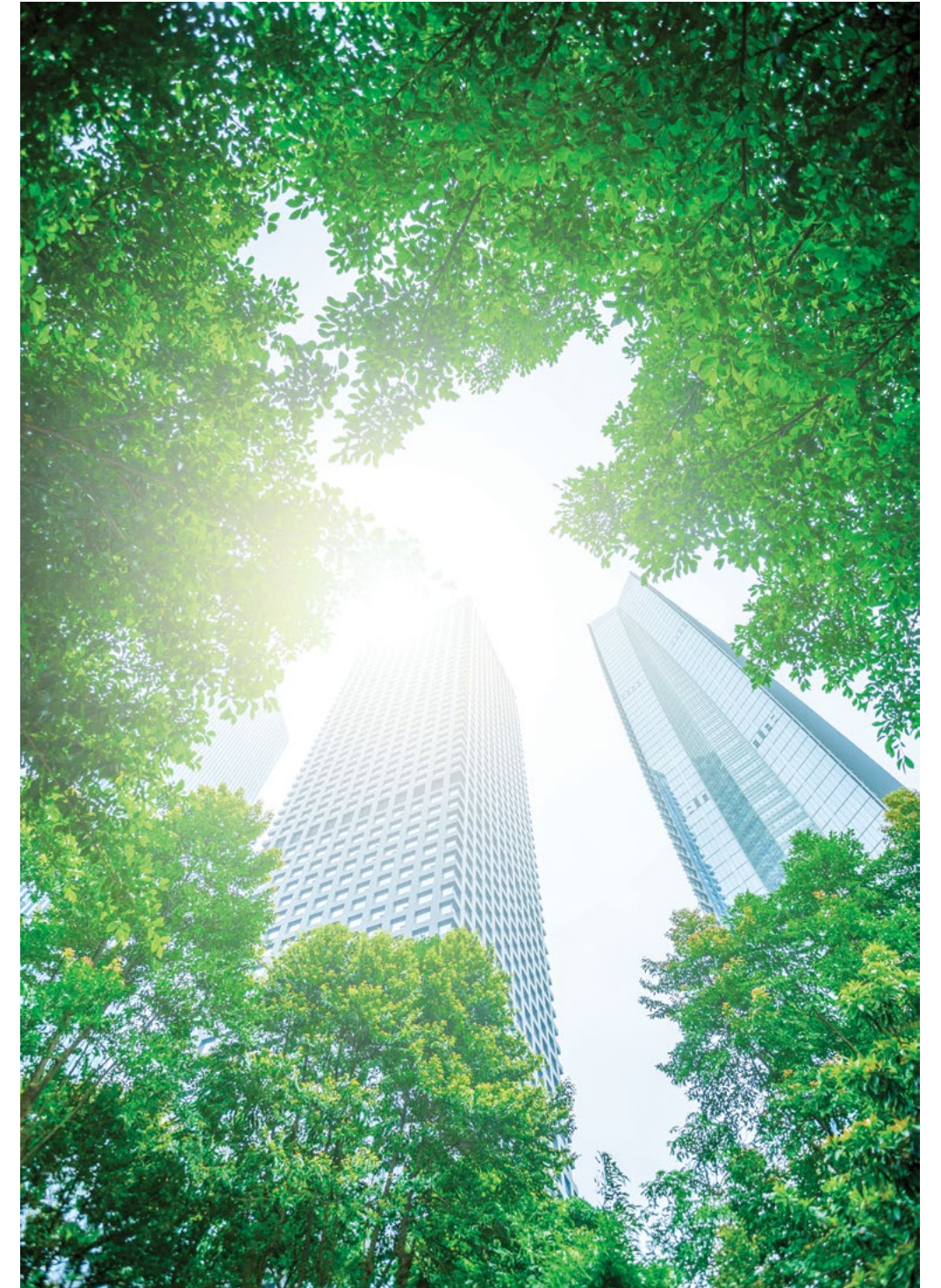
Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Đến nay, Bảo Long đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống Giám định ngành dọc và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định - bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

“CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ”, GÓP PHẦN HIỆU QUẢ VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BẢO LONG

Đối với Bảo Long, “Con người là tài sản vô giá”. Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho Người Lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

LÀ MỘT DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ, CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BẢO LONG KHÔNG TÁC ĐỘNG ĐÁNG KỂ ĐẾN MÔI TRƯỜNG. NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BẢO LONG LUÔN QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH TÒA NHÀ: AN NINH TRẬT TỰ, BẢO TRÌ HỆ THỐNG KỸ THUẬT, QUẢN LÝ VIỆC THU GOM RÁC, QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH, ĐỒNG THỜI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẪM TẠO KHÔNG GIAN LÀM VIỆC HOÀN HẢO CHO NHÂN VIÊN VÀ CAM KẾT CHUNG TAY VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỂ XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, AN TOÀN VÀ BỀN VỮNG.

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tổn năng lượng và khí thải.

Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 ° C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà....
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).



CHẤT THẢI RẮN

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong Công ty. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả...

Giải pháp xử lý

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Long đều trang bị các thùng đựng rác để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh Công ty dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, bãi xe và khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa công ty.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in tài liệu.
- Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...

CHẤT THẢI KHÍ

Chất thải khí phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông:

- Các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường Điện Biên Phủ.
- Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động về sức khỏe của nhân viên trong Công ty.

Biện pháp và quy trình xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tắt máy xe khi đi vào Công ty.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại Bảo Long.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà Công ty.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc để bảo vệ sức khỏe của Người Lao động.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.

Chương 04

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
NĂM 2019**

TIỀM LỰC **VỮNG MẠNH**
ĐỂ **BAY CAO - XA**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên
Ông Nguyễn Cửu Tính	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Đặng Đức Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)

Ban Điều Hành

Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Châm	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Hà Minh Hiếu	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2019)

Ban Kiểm Soát

Bà Lê Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Thành viên
Ông Võ Hoàng Duy Trinh	Thành viên
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ❖ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Ông **Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trần Văn Đặng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số 4142-2017-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.749.934.164.717	1.493.150.190.543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	347.704.234.926	467.529.651.751
1. Tiền	111		347.704.234.926	467.529.651.751
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	761.881.950.978	463.223.455.229
1. Chứng khoán kinh doanh	121		57.225.679.647	38.986.886.456
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(10.369.692.890)	(13.148.004.664)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		715.025.964.221	437.384.573.437
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		269.866.486.875	235.356.037.501
1. Phải thu của Khách hàng	131		216.115.044.284	191.999.709.946
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	216.115.044.284	191.999.709.946
2. Các khoản phải thu khác	136	7	75.674.385.894	62.108.057.480
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	8	(21.922.943.303)	(18.751.729.925)
IV. Hàng tồn kho	140		577.563.371	427.594.345
1. Hàng tồn kho	141		577.563.371	427.594.345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.970.991.370	51.414.019.866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.970.991.370	51.414.019.866
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	9	45.326.508.796	50.496.662.169
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.644.482.574	917.357.697
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190	18.1	322.932.937.197	275.199.431.851
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		222.446.893.383	176.500.935.032
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		100.486.043.814	98.698.496.819
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.261.417.007	328.481.715.167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.694.980.132	18.805.092.896
1. Phải thu dài hạn khác	218	7	12.694.980.132	18.805.092.896
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		694.980.132	6.805.092.896
II. Tài sản cố định	220		94.996.708.942	82.830.428.133
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.576.737.664	16.656.822.090
- Nguyên giá	222		42.956.307.113	37.501.019.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.379.569.449)	(20.844.197.750)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	66.769.971.278	66.173.606.043
- Nguyên giá	228		74.604.502.449	73.113.842.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.834.531.171)	(6.940.236.406)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		7.650.000.000	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	113.244.728.000	211.257.534.246
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		115.513.400.000	213.560.534.246
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	255.1		(2.268.672.000)	(2.303.000.000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260		25.324.999.933	15.588.659.892
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	14.829.190.409	6.287.466.040
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.621.465.986	6.553.986.889
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.874.343.538	2.747.206.963
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.996.195.581.724	1.821.631.905.710

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.320.991.190.771	1.155.094.049.414
I. Nợ ngắn hạn	310		1.317.492.491.438	1.151.905.945.789
1. Phải trả người bán	312		248.952.126.297	166.665.759.670
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	248.952.126.297	166.665.759.670
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	11.238.588.804	12.731.773.382
3. Phải trả Người Lao động	315		22.633.898.307	19.032.541.746
4. Chi phí phải trả	316		17.754.630.382	7.192.377.140
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.967.290.901	6.052.792.065
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	36.038.644.560	29.855.269.765
7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	319.1	17	81.195.340.549	67.795.491.120
8. Dự phòng nghiệp vụ	329		889.711.971.638	842.579.940.901
8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		550.817.612.136	520.913.605.502
8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	18.1	274.364.198.071	264.182.074.896
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	18.2	64.530.161.431	57.484.260.503
II. Nợ dài hạn	330		3.498.699.333	3.188.103.625
1. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	342		3.468.699.333	3.158.103.625
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		675.204.390.953	666.537.856.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	675.204.390.953	666.537.856.296
1. Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
3. Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		17.908.501.472	15.831.189.152
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.911.634.120	3.180.036.898
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.805.510.206	47.947.885.091
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.996.195.581.724	1.821.631.905.710

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	78.220.925.908	68.742.467.817
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	14.986.727.805	10.241.555.280
3. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	277.981	37.521,41



Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
Kế toán Trưởng



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		885.631.711.419	828.175.716.984
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	25	94.398.069.572	107.871.782.783
3. Thu nhập khác	13	28	213.859.049	8.352.151.966
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		694.417.190.024	654.491.256.270
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	26	7.278.289.517	21.781.027.835
6. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	23	27	225.486.029.813	218.113.586.695
7. Chi phí khác	24	28	212.623.768	713.803.609
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13-20-22-23-24)	50		52.849.506.918	49.299.977.324
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	11.370.739.607	12.831.210.132
10. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(67.479.097)	(2.011.171.082)
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	19.1	41.546.246.408	38.479.938.274
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	664	608



Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
Kế toán Trưởng





Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	21	1.194.973.847.393	1.009.801.931.265
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.136.747.642.195	1.020.029.527.501
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		88.130.211.832	71.975.923.931
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		29.904.006.634	82.203.520.167
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	22	474.341.802.846	272.140.915.797
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		520.287.761.197	394.928.254.146
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		45.945.958.351	122.787.338.349
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		720.632.044.547	737.661.015.468
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		164.999.666.872	90.514.701.516
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	17	162.340.261.753	89.118.457.657
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		2.659.405.119	1.396.243.859
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		885.631.711.419	828.175.716.984
6. Chi bồi thường (11=11.1-11.2)	11	23	463.953.715.748	472.222.428.518
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		465.846.028.404	474.296.693.741
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		1.892.312.656	2.074.265.223
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23.3	192.766.984.696	128.363.445.018
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	18.1	10.182.123.175	(47.701.819.826)
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	18.1	1.787.546.995	(15.203.158.666)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	23	279.581.307.232	311.360.322.340
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16	18.2	7.045.900.928	6.970.770.819
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	17		407.789.981.864	336.160.163.111
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	9	107.123.655.770	81.810.322.931
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	24	300.666.326.094	254.349.840.180
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		694.417.190.024	654.491.256.270
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		191.214.521.395	173.684.460.714
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	94.398.069.572	107.871.782.783
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	7.278.289.517	21.781.027.835
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		87.119.780.055	86.090.754.948
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	225.486.029.813	218.113.586.695
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		52.848.271.637	41.661.628.967

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
20. Thu nhập khác	31		213.859.049	8.352.151.966
21. Chi phí khác	32		212.623.768	713.803.609
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	1.235.281	7.638.348.357
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		52.849.506.918	49.299.977.324
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	11.370.739.607	12.831.210.132
25. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(67.479.097)	(2.011.171.082)
26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	19.1	41.546.246.408	38.479.938.274
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	664	608

VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.172.881.544.794	987.444.656.640
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(932.048.055.673)	(887.824.365.574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(140.037.983.198)	(127.683.116.724)
4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(13.707.608.861)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	184.459.804.828	591.392.021.415
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(268.108.632.237)	(320.705.246.422)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.439.069.653	242.623.949.335
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(15.312.965.455)	(59.091.231.316)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	404.800.000	1.436.723.584
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.738.284.851.661)	(15.607.592.731.981)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.595.200.089.415	15.719.376.263.727
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	66.131.187.256	90.846.724.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(91.861.740.445)	144.975.748.823
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(31.394.250.406)	(17.086.117.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.394.250.406)	(17.086.117.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(119.816.921.198)	370.513.580.633
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	467.529.651.751	96.997.579.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.495.627)	18.491.600
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	347.704.234.926	467.529.651.751



Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
Kế toán Trưởng



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là “Tổng Công ty”), là một công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 08 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 01 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 945 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 989 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chu kỳ năm kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty có 01 Trụ sở chính và 46 Công ty thành viên trên cả nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Chứng từ ghi sổ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các cổ phiếu niêm yết, không niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Tăng/giảm dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động tài chính” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Công ty. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh công bố.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

3.5 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người lao động nghỉ việc, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau::

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất và Tổng Công ty không trích khấu hao liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 (“Thông tư 45”).

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:	
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	13 năm

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

3.11 Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ, chi phí thuê văn phòng và thiết bị, công cụ, dụng cụ, và các chi phí trả trước khác.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng chưa phân bổ tương ứng với khoản phí bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tương ứng với phương pháp tính dự phòng phí chưa được hưởng đã được phê duyệt tại Công văn số 792/ BTC-QLBH ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính (“Công văn 792”).

3.12 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính (“Thông tư 50”) và Công văn 792. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

a. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp 1/24 (“phương pháp 1/24”). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Tổng Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm

x

Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (“IBNR”) trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 (“VAS 19”) – Hợp đồng bảo hiểm, các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến Chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 50 và Công văn 792. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trích lập theo tỉ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) của Bộ Tài chính, các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm không thực hiện bù trừ với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

b. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:

(i) Dự phòng toán học:

Theo Công văn 792, dự phòng toán học áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn trên một (1) năm và được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):

Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp 1/8 (“phương pháp 1/8”). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học

=

Phí bảo hiểm

x

Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp theo từng ngày. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học

=

Phí bảo hiểm

x

Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng:

Dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn từ một (1) năm trở xuống và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm giữ lại

x

Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho Công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (“IBNR”) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm với mức trích lập là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng phải trả khác

Các khoản dự phòng phải trả khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) Hợp đồng đã được giao kết giữa Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Riêng trường hợp bảo hiểm hàng hóa vận chuyển cho khách hàng có nhiều chuyến hàng tham gia bảo hiểm trong năm hoặc bảo hiểm du lịch cho khách hàng có nhiều chuyến du lịch tham gia bảo hiểm trong năm, nếu Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tắc về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán thì thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng kế tiếp.

Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Tổng Công ty chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, nếu Tổng Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại tiết d, điểm 1.1, khoản 1, điều 21, Thông tư 50, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Tổng Công ty không được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và các kỳ phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu thể hiện các khoản giảm phí và hoàn phí bảo hiểm, được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh, căn cứ vào thỏa thuận giảm phí hoặc hủy hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm.

Đối với các hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện giá trị các khoản phí bảo hiểm khách hàng thanh toán trước cho các đơn bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm hoặc thanh toán trước cho các kỳ tiếp theo của các đơn bảo hiểm nhiều kỳ đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, được ghi nhận khi Tổng Công ty nhận tiền trước của bên mua bảo hiểm. Tổng Công ty sẽ phân bổ vào doanh thu trong kỳ khi các đơn bảo hiểm này phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

3.17 Ghi nhận chi phí

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong “Phải thu khác” trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Chi hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 50 do Bộ Tài chính ban hành. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhận tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định đã được ký kết và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và Tổng Công ty đã nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định và tạm thời được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định và tạm thời được ghi nhận khi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký vào được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

(ii) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm cố định được ký kết, đồng thời doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập, đồng thời doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

3.19 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

3.22 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.23 Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo điều lệ của Tổng Công ty và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
.....		
Tiền mặt tại quỹ	4.244.765.461	5.376.540.260
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	343.459.469.465	462.153.111.491
	347.704.234.926	467.529.651.751

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5.1)		
Cổ phiếu niêm yết	52.399.238.647	34.160.445.456
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	4.826.441.000
	57.225.679.647	38.986.886.456
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(10.369.692.890)	(13.148.004.664)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.855.986.757	25.838.881.792
Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	640.025.964.221	367.367.073.437
- Trái phiếu (ii)	75.000.000.000	70.017.500.000
	715.025.964.221	437.384.573.437
Dài hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	44.000.000.000	162.057.534.246
- Trái phiếu (iv)	41.513.400.000	21.503.000.000
- Ủy thác đầu tư (v)	30.000.000.000	30.000.000.000
	115.513.400.000	213.560.534.246
Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi (vi)	(2.268.672.000)	(2.303.000.000)
	113.244.728.000	211.257.534.246
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính	875.126.678.978	674.480.989.475

- (i)

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 6,5% đến 10,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 6,2% đến 11,5%/năm).
- (ii)

Thể hiện 75.000 trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn từ 1 đến 2 năm với mức lãi suất 9,50% đến 14,45%/năm.
- (iii)

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn còn lại trên một (1) năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán với mức lãi suất 6,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 6,5% đến 10,5%/năm).
- (iv)

Bao gồm giá trị 20 tỷ đồng của 40.000 trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2019 với mức lãi suất 9,50%/năm và 1.503.000.000 đồng trái phiếu Vinashin.
- (v)

Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư ký ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam cho mục đích thực hiện việc quản lý và đầu tư vốn theo chiến lược đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục đầu tư đã thực hiện theo hợp đồng ủy thác đầu tư này không suy giảm giá trị.
- (vi)

Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin và các khoản ủy thác đầu tư với số tiền lần lượt là 1.503.000.000 đồng và 765.272.000 đồng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Cổ phiếu niêm yết	2.898.614	52.399.238.647	(6.355.024.863)	46.044.213.784	2.053.936	34.160.445.456	(8.969.898.842)	25.190.546.614
SSN					286.700	6.183.712.619	(3.477.264.619)	2.706.448.000
PXI	461.800	3.707.711.199	(2.377.727.199)	1.329.984.000	616.130	4.946.799.699	(3.412.635.999)	1.534.163.700
SVC	-	-	-		19.220	982.011.119	(155.551.119)	826.460.000
GEX	-	-	-		250.000	5.986.490.073	(448.990.073)	5.537.500.000
PMG	102.694	2.103.764.202	(275.811.002)	1.827.953.200	115.000	2.615.000.000	(401.250.000)	2.213.750.000
DIG	458.934	6.864.288.658	(530.999.458)	6.333.289.200	283.000	4.702.150.500	(315.650.500)	4.386.500.000
SSI	170.000	4.675.503.500	(1.607.003.500)	3.068.500.000	120.000	3.386.753.500	(188.753.500)	3.198.000.000
DBD	37.000	2.094.940.000	67.340.000	2.162.280.000	-	-	-	-
HDB	36.000	1.114.200.000	122.400.000	1.236.600.000	-	-	-	-
PC1	240.000	4.191.731.000	-	4.191.731.000	-	-	-	-
PME	30.000	1.674.455.000	45.455.000	1.719.910.000	-	-	-	-
VGC	320.000	6.218.450.000	330.450.000	6.548.900.000	-	-	-	-
VIB	370.000	6.639.500.000	164.500.000	6.804.000.000	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	672.186	13.114.695.088	(2.293.628.704)	10.821.066.384	363.886	5.357.527.946	(569.803.032)	4.787.724.914
Cổ phiếu chưa niêm yết	262.758	4.826.441.000	(4.014.668.027)	811.772.973	262.758	4.826.441.000	(4.178.105.822)	648.335.178
Công ty cổ phần cà phê Petec	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-
Công ty cổ phần PVOil Nam Định	19.607	196.070.000	(25.489.100)	170.580.900	19.607	196.070.000	(196.070.000)	-
Công ty cổ phần Petec	199.351	4.186.371.000	(3.545.178.927)	641.192.073	199.351	4.186.371.000	(3.538.035.822)	648.335.178
	3.161.372	57.225.679.647	(10.369.692.890)	46.855.986.757	2.316.694	38.986.886.456	(13.148.004.664)	25.838.881.792

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo các phương pháp và giả định nêu ở Thuyết minh số 36.

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bảo hiểm gốc	54.321.030.273	77.024.124.324
Phải thu nhận tái bảo hiểm	38.246.713.031	25.344.710.554
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	118.071.950.640	83.676.459.594
Phải thu đồng bảo hiểm	5.379.115.963	5.858.181.097
Phải thu khác	96.234.377	96.234.377
	216.115.044.284	191.999.709.946

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng bồi thường	10.653.114.685	10.680.103.242
- Tiền lãi dự thu	40.246.615.827	15.142.305.724
- Tạm ứng chi phí kinh doanh	16.841.228.849	18.231.476.032
- Phải thu đầu tư chứng khoán (T+2)	399.400.000	8.791.464.890
- Phải thu khác	7.534.026.533	9.262.707.592
	75.674.385.894	62.108.057.480
b. Dài hạn		
- Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền lãi dự thu	694.980.132	6.805.092.896
	12.694.980.132	18.805.092.896

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18.226.342.164	15.513.957.154
Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác	3.696.601.139	3.237.772.771
	21.922.943.303	18.751.729.925

9. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ bao gồm các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định hiện hành.

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	50.496.662.169	34.340.625.737
Phát sinh trong năm	101.953.502.397	97.966.359.363
Phân bổ vào chi phí trong năm	(107.123.655.770)	(81.810.322.931)
Số dư cuối năm	45.326.508.796	50.496.662.169

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	22.072.706.170	8.288.130.450	1.481.297.319	5.658.885.901	37.501.019.840
Tăng trong năm	-	1.259.705.455	-	348.700.000	1.608.405.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(717.018.182)	-	-	(717.018.182)
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.563.900.000	-	-	-	4.563.900.000
Số dư cuối năm	22.072.706.170	8.830.817.723	1.481.297.319	6.007.585.901	42.956.307.113
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.959.799.457	5.293.078.548	472.911.429	5.118.408.316	20.844.197.750
Khấu hao trong năm	776.115.828	728.136.133	180.364.860	215.233.178	1.899.849.999
Giảm do thanh lý	-	(364.478.300)	-	-	(364.478.300)
Số dư cuối năm	10.735.915.285	5.656.736.381	653.276.289	5.333.641.494	22.379.569.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	12.325.152.533	2.995.051.902	1.008.385.890	540.477.585	16.656.822.090
Tại ngày cuối năm	15.900.690.885	3.174.081.342	828.021.030	673.944.407	20.576.737.664

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.183.569.094 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.200.663.794 đồng).

(*) Bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	69.912.702.449	3.201.140.000	73.113.842.449
Tăng trong kỳ	699.600.000	791.060.000	1.490.660.000
Số dư đầu năm và cuối năm	70.612.302.449	3.992.200.000	74.604.502.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.574.608.387	2.365.628.019	6.940.236.406
Khấu hao trong năm	415.873.488	478.421.277	894.294.765
Số dư cuối năm	4.990.481.875	2.844.049.296	7.834.531.171
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	65.338.094.062	835.511.981	66.173.606.043
Tại ngày cuối năm	65.621.820.574	1.148.150.704	66.769.971.278

(*) Bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 16).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí bảo hiểm cho nhân viên	10.174.076.052	-	
Công cụ và dụng cụ	731.927.696	1.187.819.859	
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.669.040.181	4.244.599.463	
Khác	2.254.146.480	855.046.718	
	14.829.190.409	6.287.466.040	

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.621.465.986	6.553.986.889	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.621.465.986	6.553.986.889	

14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	199.704.014.892	124.855.509.601	
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	25.629.582.345	23.219.819.030	
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	11.543.483.673	8.575.957.961	
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	8.873.453.655	7.343.709.417	
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	2.181.994.870	1.764.636.309	
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	1.019.596.862	906.127.352	
	248.952.126.297	166.665.759.670	

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	4.069.157.019	37.939.153.424	(37.760.440.881)	4.247.869.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.889.412.326	26.708.983.100	(29.045.852.354)	4.552.543.072
Thuế thu nhập cá nhân	1.367.155.277	10.090.701.170	(9.546.466.582)	1.911.389.865
Thuế khác	406.048.760	30.423.507.271	(30.302.769.726)	1.911.389.865
	12.731.773.382	105.162.344.965	(106.655.529.543)	11.238.588.804

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải trả khác ngắn hạn		
- Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (i)	6.700.977.690	6.510.434.240
- Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (ii)	9.136.363.636	9.136.363.636
- Phải trả cổ tức	6.012.313.102	4.526.851.757
- Phí tạm thu chờ bóc tách	2.758.824.473	1.296.578.538
- Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	806.707.069	878.346.545
- Phải trả Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	448.251.757	432.255.433
- Phải trả quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	1.751.424.072	1.515.903.729
- Phải trả quỹ xe cơ giới	385.082.319	396.159.694
- Phải trả quỹ phòng cháy chữa cháy	310.671.260	258.936.135
- Phải trả khác	7.728.029.182	4.903.440.058
	36.038.644.560	29.855.269.765
b. Phải trả khác dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
	30.000.000	30.000.000

- (i)

Đây chủ yếu là số tiền bồi thường phân bổ cho nhà tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii)

Đây chủ yếu là số tiền bồi thường phân bổ cho nhà tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đây là số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11).

17. DOANH THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo quy định hiện hành..

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	67.795.491.120	15.855.160.122
Phát sinh trong năm	67.795.491.120	141.058.788.655
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(162.340.261.753)	(89.118.457.657)
Số dư cuối năm	81.195.340.549	67.795.491.120

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

18.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Nhuợng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Nhuợng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
Dự phòng bồi thường	274.364.198.071	100.486.043.814	173.878.154.257	264.182.074.896	98.698.496.819	165.483.578.077
Trong đó:						
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	237.617.862.449	84.877.410.976	152.740.451.473	231.421.914.811	86.850.649.194	144.571.265.617
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	36.746.335.622	15.608.632.838	21.137.702.784	32.760.160.085	11.847.847.625	20.912.312.460
Dự phòng phí chưa được hưởng	550.817.612.136	222.446.893.383	328.370.718.753	520.913.605.502	176.500.935.032	344.412.670.470
	825.181.810.207	322.932.937.197	502.248.873.010	785.095.680.398	275.199.431.851	509.896.248.547

Trong đó chi tiết bao gồm:

	Năm nay			Năm trước		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Nhuợng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Nhuợng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	264.182.074.896	98.698.496.819	165.483.578.077	311.883.894.722	113.901.655.485	197.982.239.237
(Hoàn nhập)/ trích lập trong năm	10.182.123.175	1.787.546.995	8.394.576.180	(47.701.819.826)	(15.203.158.666)	(32.498.661.160)
Số dư cuối năm	274.364.198.071	100.486.043.814	173.878.154.257	264.182.074.896	98.698.496.819	165.483.578.077
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	520.913.605.502	176.500.935.032	344.412.670.470	438.710.085.335	53.713.596.683	384.996.488.652
(Hoàn nhập)/ trích lập trong năm	29.904.006.634	45.945.958.351	(16.041.951.717)	82.203.520.167	122.787.338.349	(40.583.818.182)
Số dư cuối năm	550.817.612.136	222.446.893.383	328.370.718.753	520.913.605.502	176.500.935.032	344.412.670.470

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

18.2 Dự phòng dao động lớn

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tại ngày đầu năm	57.484.260.503	50.513.489.683
Trích lập thêm trong năm	7.045.900.928	6.970.770.820
Tại ngày cuối năm	64.530.161.431	57.484.260.503

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bắt buộc	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	13.907.192.238	1.200.000.000	31.191.824.403	645.877.761.796
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	38.479.938.274	38.479.938.274
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	(17.819.843.774)	(17.819.843.774)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	1.980.036.898	(1.980.036.898)	-
Tạm trích quỹ	-	-	-	1.923.996.914	-	(1.923.996.914)	-
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	15.831.189.152	3.180.036.898	47.947.885.091	666.537.856.296
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	41.546.246.408	41.546.246.408
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	1.731.597.222	(1.731.597.222)	-
Cổ tức thông báo	-	-	-	-	-	(32.879.711.751)	(32.879.711.751)
Tạm trích quỹ (**)	-	-	-	2.077.312.320	-	(2.077.312.320)	-
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	17.908.501.472	4.911.634.120	52.805.510.206	675.204.390.953

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29 tháng 3 năm 2019, cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

- a. Trích quỹ dự trữ bắt buộc với số tiền 1.923.996.914 đồng, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 (đã tạm trích và ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2018);
- b. Chia cổ tức bằng tiền với số tiền 32.879.711.751 đồng, tương ứng với 5,48% mệnh giá cổ phiếu lưu hành;

(*) Thường cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền 1.731.597.222 đồng, tương ứng với 10% lợi nhuận sau thuế năm 2018 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và vẫn đang ghi nhận ở khoản mục quỹ khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(**) Trong năm,Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc với tỉ lệ 5% lợi nhuận sau thuế 2019 với số tiền 2.077.312.320 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

19.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	VND			
	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	490.823.420.000	81.80%	490.823.420.000	81.80%
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	39.036.510.000	6.51%	39.036.510.000	6.51%
Cổ đông khác	70.140.070.000	11,69%	70.140.070.000	11,69%
	600.000.000.000	100%	600.000.000.000	100%

Chi tiết số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	526	526
Cổ phiếu phổ thông	526	526
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.474	59.999.474
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	59.999.474
Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

19.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tại ngày đầu năm	4.526.851.757	3.793.125.508
Cổ tức công bố trong năm	32.879.711.751	17.819.843.774
Cổ tức đã trả trong năm	(31.394.250.406)	(17.086.117.525)
Tại ngày cuối năm	6.012.313.102	4.526.851.757

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

T Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính do hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty chỉ gồm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Kết quả hoạt động đầu tư được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Tổng Công ty chỉ cung cấp dịch vụ bảo hiểm trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Tổng Công ty tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Tổng Công ty.

21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
.....		
Phí bảo hiểm gốc chưa bao gồm giảm phí, hoàn phí	1.147.168.762.086	1.031.245.646.722
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (Giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc)	(10.421.119.891)	(11.216.119.221)
Phí bảo hiểm gốc (1)	1.136.747.642.195	1.020.029.527.501
Phí nhận tái bảo hiểm chưa bao gồm giảm phí, hoàn phí	89.306.131.640	72.342.849.921
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí tái bảo hiểm)	(1.175.919.808)	(366.925.990)
Phí nhận tái bảo hiểm (2)	88.130.211.832	71.975.923.931
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (3)	29.904.006.634	82.203.520.167
Tổng cộng doanh thu phí bảo hiểm (4)=(1)+(2)-(3)	1.194.973.847.393	1.009.801.931.265

21.1 Phí bảo hiểm gốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
.....		
Chi tiết doanh thu phí bảo hiểm gốc		
Bảo hiểm xe cơ giới	543.894.442.162	561.241.078.120
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	205.561.536.983	175.273.531.529
Bảo hiểm con người	241.199.710.699	151.356.892.350
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	65.797.140.196	70.662.226.211
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	34.978.566.837	40.958.940.464
Bảo hiểm Tàu	41.505.474.525	19.047.128.184
Bảo hiểm thuyền viên	3.810.770.793	1.489.730.643
	1.136.747.642.195	1.020.029.527.501

21.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
.....		
Chi tiết doanh thu phí nhận tái bảo hiểm		
Bảo hiểm xe cơ giới	11.904.005.196	558.639.970
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	56.198.999.628	45.685.418.422
Bảo hiểm con người	13.843.558.245	20.621.452.483
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	675.853.019	743.596.696
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.885.428.235	3.079.209.964
Bảo hiểm tàu thuyền	608.701.331	1.284.469.528
Bảo hiểm thuyền viên	13.666.178	3.136.868
	88.130.211.832	71.975.923.931

22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
.....		
Bảo hiểm xe cơ giới	195.811.479.754	188.585.797.551
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	162.002.885.518	119.858.311.943
Bảo hiểm con người	95.916.083.249	31.884.819.541
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	34.551.193.975	22.106.358.602
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	18.994.616.024	22.689.285.664
Bảo hiểm tàu thuyền	13.011.502.677	9.803.680.845
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	520.287.761.197	394.928.254.146
Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	45.945.958.351	122.787.338.350
Phí nhượng tái bảo hiểm	474.341.802.846	272.140.915.796

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
.....		
Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	465.846.028.404	474.296.693.741
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc (23.1)	434.983.063.024	435.365.114.861
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (23.2)	30.862.965.380	38.931.578.880
Các khoản thu giảm chi (thu hồi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(1.892.312.656)	(2.074.265.223)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (23.3)	(192.766.984.696)	(128.363.445.018)
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	10.182.123.175	(47.701.819.826)
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.787.546.995	(15.203.158.666)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	279.581.307.232	311.360.322.340

23.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
.....		
Bảo hiểm xe cơ giới	281.761.052.250	314.060.177.593
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	22.113.830.199	42.519.720.389
Bảo hiểm con người	76.535.294.465	33.629.378.239
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	42.157.042.720	10.838.176.207
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.762.441.666	1.506.479.643
Bảo hiểm tàu thuyền	8.491.069.984	32.533.862.790
Bảo hiểm thuyền viên	162.331.740	277.320.000
	434.983.063.024	435.365.114.861

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

23.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

VND		
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	66.688.475	44.328.941
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	25.943.976.599	33.844.060.764
Bảo hiểm con người	68.491.234	122.421.451
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	100.431.080	4.431.556
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	2.520.126.880	1.842.865.490
Bảo hiểm tàu thuyền	2.163.251.112	3.073.470.678
	30.862.965.380	38.931.578.880

23.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

VND		
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	112.769.531.501	45.973.584.937
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	14.360.566.573	43.014.298.073
Bảo hiểm con người	25.264.492.623	7.275.760.352
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	30.691.019.422	4.930.005.105
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	5.427.720.899	1.085.797.335
Bảo hiểm tàu thuyền	4.253.653.678	26.083.999.216
	192.766.984.696	128.363.445.018

24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí giao dịch khách hàng	148.866.689.726	131.594.378.816
Lương và các khoản phụ cấp	64.989.600.800	50.013.754.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.725.813.575	43.699.697.729
Chi phí giám định tổn thất	13.967.567.441	9.049.890.770
Công cụ, dụng cụ	6.627.537.905	5.659.110.100
Chi phí khác	15.489.116.647	14.333.008.721
	300.666.326.094	254.349.840.180

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND		
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi tiền gửi	65.591.572.967	58.342.319.613
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	8.622.345.599	15.229.526.288
Lãi từ đầu tư trái phiếu	18.330.927.628	15.498.787.390
Cổ tức được chia	1.202.884.000	775.098.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	650.339.378	1.421.721.508
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	-	16.604.329.984
	94.398.069.572	107.871.782.783

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	9.330.896.404	14.400.156.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá	760.032.887	1.169.630.644
Phí dịch vụ ngân hàng	-	2.015.664.985
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	(2.812.639.774)	4.195.575.760
	7.278.289.517	21.781.027.835

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phụ cấp	143.639.339.759	127.485.909.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.093.364.377	65.241.840.634
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.877.950.461	7.181.672.977
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.456.572.510	11.380.116.174
Chi phí khấu hao	2.794.144.764	2.864.511.460
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.343.897.662	3.822.725.574
Thuế và phí	280.760.280	136.810.689
	225.486.029.813	218.113.586.695

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	213.859.049	8.352.151.966
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	52.261.479	436.544.945
Khác	161.597.570	7.915.607.021
Chi phí khác	212.623.768	713.803.609
Chi khác	212.623.768	713.803.609
Lợi nhuận khác	1.235.281	7.638.348.357

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.831.227.825	12.138.883.309
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	539.511.782	692.326.823
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.370.739.607	12.831.210.132

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.849.506.918	49.299.977.324
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	865.488.512	(9.280.757.406)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.172.120.718	2.113.681.814
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	54.156.139.124	60.694.416.544
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.831.227.825	12.138.883.309

	VND	
	Năm nay	Năm trước
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(67.479.097)	(2.011.171.082)
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(67.479.097)	(2.011.171.082)

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tổng Công ty có các cam kết thuê hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Trong vòng một năm	4.646.557.382	6.814.194.358
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.836.133.182	3.761.499.867
	9.482.690.564	10.575.694.225

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Công ty mẹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn

Tổng Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Công ty mẹ		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	863.341.406.030	459.857.985.140
Rút tiền gửi có kỳ hạn	656.740.049.492	714.501.870.607
Thu nhập từ lãi tiền gửi	25.992.588.557	17.831.705.003
Phí dịch vụ ngân hàng	257.104.172	786.706.234
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Cổ đông lớn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000	28.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	9.000.000.000	13.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.103.306.469	1.496.110.956

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.077.312.320	1.672.333.332

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Điều hành trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	5.997.985.204	4.410.000.000

Số dư chủ yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Công ty mẹ		
Tiền gửi thanh toán	292.375.218.419	411.533.897.437
Tiền gửi có kỳ hạn	281.957.471.071	75.356.114.533
Dự thu lãi tiền gửi	2.048.920.589	2.168.084.920
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Cổ đông lớn		
Tiền gửi thanh toán	3.264.238.838	2.796.988.987
Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	32.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	3.134.899.033	1.366.684.931

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	41.546.246.408	38.479.938.274
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	59.999.474	59.999.474
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(1.731.597.222)	(1.980.036.898)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.814.649.186	36.499.901.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	664	608

33. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Biên khả năng thanh toán là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán. Việc tính toán biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty được thực hiện theo các hướng dẫn tại Thông tư 50.

Bảng dưới đây thể hiện việc tính toán biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Cục quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả gắn liền với lợi ích của người mua bảo hiểm. Đồng thời, Cục quản lý giám sát bảo hiểm- Bộ Tài chính cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đáp ứng được với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Biên khả năng thanh toán (i = (1) + (2) + (3))	504.507.558.723	509.418.817.079
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	675.204.390.953	666.537.856.296
2. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	81.251.414.769	70.382.070.446
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	89.445.417.461	86.736.968.771
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [II=Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	176.147.523.208	174.269.299.322
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	176.147.523.208	174.269.299.322
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	153.109.731.753	136.500.681.429
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	328.360.035.515	335.149.517.757
Theo tỷ lệ phần trăm	286%	292%

34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

34.1 Cơ chế Quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

34.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro để cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty chịu các rủi ro bởi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề phát sinh.

34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

34.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty tại Việt Nam phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư 50 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
	VND	VND	%
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	504.507.558.723	176.147.523.208	286%
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	509.418.817.079	174.269.299.322	292%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

34.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh..

34.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty thực hiện tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

35.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phải sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

35.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty và trái phiếu doanh nghiệp.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Điều hành của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với giá cổ phiếu.

35.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu Khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Điều hành của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

	Chưa đáo hạn	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	347.704.234.926	-	-	347.704.234.926
Các khoản đầu tư tài chính	875.509.514.978	-	12.255.528.890	887.765.043.868
Chứng khoán kinh doanh	46.855.986.757	-	10.369.692.890	57.225.679.647
Tiền gửi có kỳ hạn	684.025.964.221	-	-	684.025.964.221
Trái phiếu (*)	115.010.400.000	-	1.503.000.000	116.513.400.000
Đầu tư khác	29.617.164.000	-	382.836.000	30.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	199.721.102.454	5.900.900.854	10.493.040.976	216.115.044.284
Phải thu khác	15.339.642.324	(1.933.977.890)	2.913.199.223	16.318.863.657
Lãi dự thu	40.941.595.959	-	-	40.941.595.959
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	100.486.043.814	-	-	100.486.043.814
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	4.206.039.082	-	109.722.816	4.315.761.898
	1.595.908.173.537	3.966.922.964	25.771.491.905	1.625.646.588.406

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.529.651.751	-	-	467.529.651.751
Các khoản đầu tư tài chính	674.480.989.475	-	15.451.004.664	689.931.994.139
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>25.838.881.792</i>	-	<i>13.148.004.664</i>	<i>38.986.886.456</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>529.424.607.683</i>	-	-	<i>529.424.607.683</i>
<i>Trái phiếu (*)</i>	<i>90.017.500.000</i>	-	<i>1.503.000.000</i>	<i>91.520.500.000</i>
<i>Đầu tư khác</i>	<i>29.200.000.000</i>	-	<i>800.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
Phải thu của Khách hàng (*)	175.605.768.116	6.706.803.034	876.279.984	191.999.709.946
Phải thu khác	27.175.966.877	102.941.349	-	28.155.188.210
Lãi dự thu	21.947.398.620	-	-	21.947.389.620
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	98.698.496.819	-	-	98.698.496.819
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	3.16.571.661	-	109.722.816	3.326.294.477
	1.480.654.843.319	6.809.744.383	26.124.146.260	1.513.588.733.962

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa quá hạn và không suy giảm giá trị: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Tổng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Tổng Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng

35.2.3 Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở chiết khấu tại thời điểm cuối năm:

VND

	Trong hạn					
	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-5 năm	Trên 5 năm	Không kỳ hạn	Tổng
Số cuối năm						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	347.704.234.926	347.704.234.926
Các khoản đầu tư tài chính	1.503.000.000	715.025.964.221	114.010.400.000	-	57.225.679.647	887.765.043.868
- Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	57.225.679.647	57.225.679.647
- Tiền gửi kỳ hạn	-	640.025.964.221	44.000.000.000	-	-	684.025.964.221
- Trái phiếu (*)	1.503.000.000	75.000.000.000	40.010.400.000	-	-	116.513.400.000
- Đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	16.393.941.830	199.721.102.454	-	-	-	216.115.044.284
Phải thu khác	979.221.333	15.339.642.324	-	-	-	16.318.863.657
Lãi dự thu	-	40.246.615.827	694.980.132	-	-	40.941.595.959
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	100.486.043.814	-	-	-	100.486.043.814
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	441.418.360	3.87384.343.5	-	-	4.315.761.898
	18.876.163.163	1.071.260.787.000	118.579.723.670	12.000.000.000	404.929.914.573	1.625.646.588.406
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	-	248.952.126.297	-	-	-	248.952.126.297
Cổ tức phải trả	-	6.012.313.102	-	-	-	6.012.313.102
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	-	274.364.198.071	-	-	-	274.364.198.071
Chi phí trích trước	-	17.754.630.382	-	-	-	17.754.630.382
Phải trả khác	-	10.623.458.590	-	-	-	10.623.458.590
	-	557.706.726.442	-	-	-	557.706.726.442
Chênh lệch thanh khoản ròng	18.876.163.163	513.554.060.558	118.579.723.670	12.000.000.000	404.929.914.573	1.067.939.861.964

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị nắm vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đáo hạn theo hợp đồng (tiếp theo)

VND

Trong hạn						Tổng
Quá hạn	Dưới 1 năm	1-53 năm	Trên 5 năm	Không kỳ hạn		
Số đầu năm						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	467.529.651.751	467.529.651.751
Các khoản đầu tư tài chính	1.503.000.000	437.384.573.437	212.057.534.246	-	38.986.886.456	689.931.994.139
- Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	38.986.886.456	38.986.886.456
- Tiền gửi kỳ hạn	-	367.367.073.437	162.057.534.246	-	-	529.424.607.683
- Trái phiếu (*)	1.503.000.000	70.017.500.000	20.000.000.000	-	-	91.520.500.000
- Đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	16.393.941.830	175.605.768.116	-	-	-	191.999.709.946
Phải thu khác	979.221.333	27.175.966.877	-	-	-	28.155.188.210
Lãi dự thu	-	15.142.305.724	6.805.092.896	-	-	21.947.398.620
Tài sản tái bảo hiểm	-	98.698.496.819	-	-	-	98.698.496.819
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	579.087.514	2.747.206.963	-	-	3.326.294.477
	18.876.163.163	754.586.198.487	221.609.834.105	12.000.000.000	506.516.538.207	1.513.588.733.962
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	-	166.665.759.670	-	-	-	166.665.759.670
Cổ tức phải trả	-	4.526.851.757	-	-	-	4.526.851.757
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	-	4.526.851.757				264.182.074.896
Chi phí trích trước	-	9.792.314.284	-	-	-	7.192.377.140
Phải trả khác	-	7.506.695.049	-	-	-	7.506.695.049
	-	450.073.758.512	-	-	-	450.073.758.512
Chênh lệch thanh khoản ròng	18.876.163.163	304.512.439.975	221.609.834.105	12.000.000.000	506.516.538.207	1.063.514.975.450

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị năm vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	347.704.234.926	-	467.529.651.751	-	347.704.234.926	467.529.651.751
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						
Đầu tư sẵn sàng để bán						
Cổ phiếu niêm yết	52.399.238.647	(6.355.024.863)	34.160.445.456	(8.969.898.842)	46.044.213.784	25.190.546.614
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	(4.014.668.027)	4.826.441.000	(4.178.105.822)	811.772.973	648.335.178
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-		19.925.997.500
Trái phiếu Doanh nghiệp	116.513.400.000	(1.885.836.000)	91.520.500.000	(1.503.000.000)	N/A	N/A
Các khoản cho vay và phải thu						
Tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	640.025.964.221	-	367.367.073.437	-	640.025.964.221	367.367.073.437
Tiền gửi kỳ hạn dài hạn	44.000.000.000	-	162.057.534.246	-	N/A	N/A
Các khoản đầu tư khác	30.000.000.000	(382.836.000)	30.000.000.000	(800.000.000)	N/A	N/A
Phải thu Khách hàng	216.115.044.284	(18.226.342.164)	191.999.709.946	(9.687.138.796)	197.888.702.120	182.312.571.150
Phải thu khác	16.318.863.657	(2.913.199.223)	28.155.188.210	(876.279.984)	13.405.664.434	27.278.908.226
Lãi dự thu	40.941.595.959	-	21.947.398.620	-	40.941.595.959	21.947.398.620
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	100.486.043.814	-	98.698.496.819	-	100.486.043.814	98.698.496.819
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-	N/A	N/A
Các khoản ký quỹ khác	4.315.761.898	(673.679.100)	3.326.294.477	(109.722.816)	N/A	N/A
	1.625.646.588.406	(34.451.585.377)	1.513.588.733.962	(26.124.146.260)		

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	248.952.126.297	166.665.759.670	6.012.313.102	166.665.759.670
Phải trả cổ tức	6.012.313.102	4.526.851.757	274.364.198.071	4.526.851.757
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	274.364.198.071	264.182.074.896	17.754.630.382	264.182.074.896
Chi phí trích trước	17.754.630.382	7.192.377.140	10.623.458.590	7.192.377.140
Phải trả khác	10.623.458.590	7.506.695.049	248.952.126.297	7.506.695.049
	557.706.726.442	450.073.758.512	557.706.726.442	450.073.758.512

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu Khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo cáo giá của ba (3) công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Nếu cổ phiếu chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.



Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
Kế toán Trưởng



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 03 năm 2020

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/	VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI	FAX
KHU VỰC DUỖYÊN HẢI BẮC BỘ					
1	BL Thái Nguyên		Số 10 Cách Mạng Tháng 8, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên	0208.3651.115	0208.3651.113
1.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Lạng Sơn	515B Trần Đăng Ninh, Xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn		
2	BL Quảng Ninh		Tầng 3-6 căn nhà Ô số 3, ô số 4* QH đất xen kẹp Nhà Văn hóa Khu 6A, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh	0203.3815.185	0203.3815.185
2.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Cẩm Phả	Số Nhà 397, Tổ 68, Khu Diêm Thủy, P. Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh		
2.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Uông Bí	404 Trần Nhân Tông, P. Thanh Sơn, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh		0203.3664.889
2.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Móng Cái			
3	BL Phú Thọ		1596 Tòa nhà MB, Hùng Vương, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ	2103.652.999	2103.652.288
3.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Lào Cai	Trắng 2, showroom moto D1, P.Bắc Cường, TP.Lào Cai, Lào Cai		
4	BL Hải Phòng		Tầng 7, Tòa Nhà CPN, Số 7 Lê Hồng Phong, P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	2253.686.999	2253.686.888
4.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	Số 14 Ngách 84, Ngõ 174,Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	0313.686.999 0313.686.777 0313.686.555	0313.686.888
4.4		Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nội	14/178/48 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội		
4.5		Phòng Kinh doanh Khu vực Hưng Yên	Xóm 2 Thôn Mế Xá, Xã Nguyễn Trãi, H. Ân Thi, T. Hưng Yên	0913.819.568	
5	BL Bắc Ninh		Tầng 4, 316 Trần Hưng Đạo, P. Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh	0222.3861.666	0222.3634.567
5.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 1	Lô G14 Cả Trọng, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang	0204.3555.785	
5.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 2	Lô G14 Cả Trọng, P .Đĩnh Kế, TP. Bắc Giang		
6	BL Hải Dương		Tầng 6, Tòa nhà Vĩnh Lộc, Khu Tây, P. Tân Bình, TP. Hải Dương	0220.3833.999	
6.1		Phòng Kinh doanh khu vực Chí Linh	Trúc Thôn, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, TP. Hải Dương		

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/	VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI	FAX
KHU VỰC DUỖYÊN HẢI BẮC BỘ (tiếp theo)					
7	BL Nam Định		Số 143 Tổ 27, Giải Phóng, P. Cửa Bắc, TP. Nam Định, T. Nam Định	0228.3511.199	0228.3511.199
7.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	Số 14 ngách 84, Ngõ 174, Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội		
7.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Phương Nam	Tổ 18 TT Bùi Chu, Xã Xuân Ngọc, H. Xuân Trường, T. Nam Định		
8	BL Vĩnh Phúc		Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vĩnh Phúc, Lô S1, Khu đô thị chùa Hà Tiên, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc	0211.6251.186	0211.6251.186
8.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Thành	38/64/3 Phan Đình Giót, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội		
9	BL Đông Hải		01 phòng tại tầng 8 tòa nhà 9 tầng nhà khách Hải Quân, 5 Lý Tự Trọng, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	0225.3816.666	0225.3250.599
9.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Khoái Châu	Thị Tứ Bô Thời - Hồng Tiến - Khoái Châu - Hưng Yên	0975.033.893	
10	BL Ninh Bình		TTTM Bình An Nhiên, 90 Lê Hồng Phong, P. Vân Giang, TP. Ninh Bình	0229.3876.899	0229.3875.899
10.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Khánh	KP1, TT. Yên Ninh, H. Yên Khánh, T. Ninh Bình		
10.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Điệp	P. Trung Sơn, TP. Tam Điệp, T. Ninh Bình		
10.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nam	170 Lê Công Thanh, H. Phủ Lý, T. Hà Nam		
11	BL Thái Bình		Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G Dự án KP3, Khu đô thị mới Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, T. Thái Bình	0227.6528.666	0227.3658.966
KHU VỰC HÀ NỘI					
12	BL Hà Nội		Tầng 1, tòa nhà số 30, Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	0243.7629.070	0243.7629.045
13	BL Thủ Đô		A46, TT16 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	0243.7824.476	0243.7824.479
14	BL Thăng Long		Tầng 2, Tòa nhà ACCI số 210 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	0247.1086.033	0247.1086.033
15	Sở Giao dịch miền Bắc		Tầng 5, 6 số 5 ngõ 75 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	0244.4501.080	
16	BL Đông Đô		74-76 Nguyễn Khang, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	0243.2010.711	
16.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Đức - Hà Tây	Xóm 10, Phù Lưu Tế, H. Mỹ Đức, TP. Hà Nội		

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/	VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI	FAX
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN					
17	BL Thanh Hóa		Tầng 3,Số 107 Lạc Long Quân, P. Đồng Vệ, TP. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa	0237.3855.658	0237.3859.658
17.1		Phòng kinh doanh Khu vực Bim Sơn			
17.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Tĩnh Gia			
17.3		Phòng kinh doanh Khu vực Ngọc Lặc			
17.4		Phòng kinh doanh Khu vực Như Thanh			
17.5		Phòng kinh doanh Khu vực Triệu Sơn			
18	BL KV Bắc Trung Bộ		106A Mai Hắc Đế, P. Hà Huy Tập, TP. Vinh, T. Nghệ An	0238.3575.368	0238.3575.268
18.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Tĩnh	365 Trần Phú, KP. Vinh Hòa, P. Thạch Linh, TP. Hà Tĩnh		0393.868.585
18.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Nghệ An	Khối 3 - TT. Diễn Châu - H. Diễn Châu, T. Nghệ An		
18.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nghệ An	437 Khối Đồng Tâm, P. Hòa Hiếu, TX. Thái Hòa, T. Nghệ An		
18.4		Phòng Kinh doanh Khu vực Đô Lương	Xóm Yên Thế, Xã Yên Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An		
18.5		Phòng Kinh doanh Khu vực Quỳnh Lưu	Xóm 3, Xã Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, T. Nghệ An		
19	BL KV Trung Bộ		Tầng1, Số 23 Nguyễn Văn Cừ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế	0234.3978.288	0234.3879.099
19.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Quảng Trị	69 Lý Thường Kiệt , TP. Đồng Hà, T. Quảng Trị		
20	BL KV Tây Nguyên		161 Ngô quyền, P. Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, T. Đak Lak	0262.8553.789	0262.3968.768
20.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Đắk Nông	TDP 2, P. Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, T. Đắk Nông	0501.35434	
20.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Eakar	135 Quang Trung, Thôn 1a, Cư ni, TT. Eakar, T. Đak Lak		
21	BL Đà Nẵng		196 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, T. Đà Nẵng	0236.3840.890	0236.3840.656
21.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Hội An	392 Cửa Đại, P. Cẩm Châu, TP. Hội An, T. Quảng Nam		

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/	VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI	FAX
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN (tiếp theo)					
22	BL Quảng Ngãi		Số 21 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi	0255.6556.999	0255.3836.181
22.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Núi Thành	500 Phạm Văn Đồng, TT. Núi Thành, H. Núi Thành, T. Quảng Nam		0510.3870.468
22.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Quảng Nam	Tổ 64 P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
23	BL Phú Yên		242-244-246 Hùng Vương - TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên	0257.3821.979	0257.3810.409 0257. 813.199
23.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Hòa	KP. 2, TT. Hòa Vinh, H. Đồng Hòa, T. Phú Yên	0257.353.198	0257.3531.979
23.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Tuy An	Thôn Phú Mỹ, Xã An Dân, H. Tuy An, T. Phú Yên	0257.386.608	0257.3866.077
23.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Sông Cầu	148 Phạm Văn Đồng, KP. Long Hải, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0257.387.662	0257.3876.616
24	BL Bình Định		Căn nhà số 48 Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	0256.3846.350	0256.384.638
24.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Cát	10 Hai Bà Trưng, TT. Ngô May, H. Phù Cát, T. Bình Định		
24.2		Phòng Kinh doanh Khu vực An Nhơn	30/3 Bắc Ngõ Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	0256.373.516	0256.3735.157
24.3		Phòng Kinh doanh Khu vực Hoài Nhơn	177 Quang Trung, TT. Đồng Sơn, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	0256.396.136	0256.3961.356
24.4		Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Mỹ			
24.5		Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Sơn			
25	BL Khánh Hòa		236 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phước Hòa, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258.3515.229 0258.3516.609	0258.3515.209 0258.3516.609
25.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Thuận	5 Trần Phú, P. Thanh Sơn, TP. Phan Rang, Tháp chàm, T. Ninh Thuận	0259.3828.768	0259.3828.768
25.2		Phòng Kinh doanh Khu vực tại Ninh Hòa	441 Trần Quý Cáp, P. Ninh hiệp, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	0258.3631.666	0258.3631.666
25.3		Phòng Kinh doanh khu vực Cam Lâm	TT Cam Đức, H. Cam lâm, T. Khánh Hòa.		
25.4		Phòng Kinh doanh Khu vực Cam Ranh	131 Phạm Văn Đồng, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	0258.3950.380	0258.3950.380
25.5		Phòng Kinh doanh Khu vực Vạn Ninh	469 Hùng Vương, TT. Vạn Giã, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	0258.3840.223	0258.3840.223

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/	VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI	FAX
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN					
26	BL Bình Thuận		Số E3 Hùng Vương, KP. 14, P. Phú Thủy, Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252.6253.179	0252.6253.179
27	BL Lâm Đồng		2F Ba Tháng Tư, P.03, Tp.Đà Lạt, T. Lâm Đồng	0263.383.756	0263.3837.268
27.1		Phòng Kinh doanh Bảo Lộc	121C Trần Phú, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng	0263.395.888	0263.3958.999
28	BL Gia Lai		53 Nguyễn Tất Thành, KP. mới Hoa Lư, Phù Đồng, P. Hoa Lư, TP. Pleiku, T. Gia Lai	0269.3829.767	0269.3714.243
29	BL Quảng Bình		Số 267 Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, T. Quảng Bình	0232.3838.233	0232.3838.234
29.1		Phòng Kinh doanh khu vực Quảng Trạch			
29.2		Phòng Kinh doanh khu vực Bố Trạch			
KHU VỰC TP.HCM					
30	Sở giao dịch Bảo Long		159 Hoa Lan, P. 2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	0283.517.2915	0283.5172.921
31	BL Bến Thành		50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1	0283.9145.312	0283.9145.311
32	BL TP.HCM		Lầu 4, 50 Bis - 52 - 46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1	0283.8296.268	0283.8296.269
33	BL Sài Gòn		449 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Q. 1, TP. HCM	0283.9202.288	0283.9204.556
33.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Củ Chi	23 Lê Vinh Huy, Khu phố 7, TT. Củ Chi, H. Củ Chi, TP. HCM		
34	BL Nam Sài Gòn		39 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q5 - TP. HCM	0283.8537.990	0283.8536.079
35	BL Gia Định		59 Phan Bá Phiến, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM	0283.5264.405	0283.5261.158
36	BL Tân Sơn Nhất		95 Nguyễn Cửu Vân, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	0283.8409.866	0283.9903.117
37	BL Đông Sài Gòn		Tầng 3,4,5, tòa nhà số 316-318 Nguyễn Đình Chiểu, P. 4, Q. 3, TP. HCM	0283.8279.478	0283.8239.254
38	BL Đông Phương		Phòng số T3.3 và T3.5, Lầu 2 (Tầng 3), 72-74 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM	0283.9505.014	0283.9505.013
KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ					
39	BL Bình Dương		126 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa -Tx TDM, T. Bình Dương	0274.3837.108	0274.3837.109
39.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Phú Giáo	550 KP2, TT. Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương		
40	BL Đồng Nai		BN4 LK20, Đường N1, KP6, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	0251.3822.112	0251.3822.966
41	BL Vũng Tàu		Tầng 4-5, Tòa nhà 89 Lê Lợi, P. 6, TP. Vũng Tàu	0254.3591.033	0254.3591.033
41.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Bà Rịa	389 CMT8, P. Phước Nguyên, TX. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu		
41.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Phước Tỉnh	37 tổ 2, Ấp Phước Thọ, Xã Phước Hưng, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	Không sử dụng	Không sử dụng

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/	VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI	FAX
KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ (tiếp theo)					
41.3		Phòng Kinh doanh Khu vựcTân Thành	Quốc lộ 51A, TT. Phú Mỹ, H. Tân Thành, T. Bà Rịa Vũng Tàu		
42	BL Tây Ninh		Số 57, Lê Duẩn, KP. 1, P. 3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276.3846.666	0276.3627.666
42.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Trảng Bàng	Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, Trảng Bàng, T. Tây Ninh		
KHU VỰC MIỀN TÂY					
43	BL Long An		Tầng 4, Tòa nhà số 68A Hùng Vương, P. 2, TP. Tân An, T. Long An	0272.3550.677	0272.3550.477
43.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Tho	Lầu 3, Nhà số 134-136 Đinh Bộ Lĩnh, P. 2, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang	0273.397.624	
44	BL Cần Thơ		30 A3, KDC Hưng Phú I, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	0292.3834.117	0292.3766.466
44.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Vĩnh Long	11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, P. 4, TP. Vĩnh Long	0270.3842.197	0270.3842.197
44.2		Phòng Kinh doanh Khu vực Hậu Giang	89 Đường 30/4, KV2, P.Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0711.511.471	
44.3		Phòng Kinh doanh Khu vực An Giang	100/5N Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, T. An Giang		
44.4		Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Tháp	60-62 Đốc Binh Kiều, P. 2, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp		
44.5		Phòng Kinh doanh Khu vực Trà Vinh	23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.2. TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh		
45	BL Cà Mau		Số 114A Nguyễn Công Trứ, Khóm 7, P. 8, TP. Cà Mau, T. Cà Mau	0290.3520.557	0290.3520.556
45.1		Phòng Kinh doanh Khu vực Bạc Liêu	14 Lý Thường Kiệt, P. 3, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu	07813.6866	0781.3686.566
46	BL Kiên Giang		Số L7-13 Trần Quang Khải, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297.3778.686	0297.3777.793
46.1		Phòng Kinh doanh khu vực Châu Đốc	531 Nguyễn Văn Thoại, Cầu Phú, H. Châu Đốc, T. An Giang	0272.3550.677	0272.3550.477



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn Quốc tế và được đăng tải tại website: www.baolonginsurance.com.vn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

📍 : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

☎ : (84.28) 3823 9219

☎ : (84.28) 3822 8967

✉ : info@baohiembaoalong.vn

🌐 : baolonginsurance.com.vn